TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 26 /BC – PVTS.NĐD
V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty PVTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/12/2022;

Căn cứ Quyết định số 8346/QĐ-DKVN ngày 14/12/2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc " Phê duyệt quy chế quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và kiểm tra, giám sát của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)";

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ - PVTS ngày 28/04/2026 về Phê duyệt Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty PVTS;

Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam kính báo cáo lãnh đạo Tập đoàn kế hoạch, nội dung và chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty PVTS như sau:

1. Thời gian tổ chức: ½ ngày, Dự kiến Tháng 06/2025.
2. Địa điểm: Tầng 1 Tòa nhà Petrovietnam, số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
3. Nội dung:

Stt	Danh mục, nội dung văn kiện và tài liệu
1	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026
2	Báo cáo của Ban điều hành về kết quả kinh doanh năm 2025
3	Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
4	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty PVTS
5	Báo cáo của BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
6	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2026
7	Báo cáo tình hình thực hiện quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2026
8	Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS (nếu có)

9	Các nội dung khác - Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; Phiếu biểu quyết - Dự thảo Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ

Để thực hiện biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty PVTS phù hợp theo quy định hiện hành, Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam kính báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo, phê duyệt của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nêu trên để làm cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TK.HĐQT (T02b).

Đính kèm:
- Văn kiện, tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 (mục 3 nêu trên).

TM. NĐD CỦA PVN TẠI PVTS
Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N: 0102278170 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Huy Hoàng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /PVTS - HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA HĐQT CÔNG TY PVTS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/12/2022.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 báo cáo của HĐQT gồm các nội dung sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

I. Nhân sự HĐQT, BKS, Ban Điều hành

- Nhân sự thành viên HĐQT, BKS Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2022-2027, cụ thể như sau:

1. Hội đồng quản trị:

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn giữ chức vụ	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	31/07/2020 bổ nhiệm lại ngày 29/6/2022	
2	Ông Lê Tài Đức	Thành viên HĐQT/Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2025	
3	Bà Đinh Thị Huyền Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2025	
4	Ông Lê Bá Trường	Thành viên HĐQT/Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2022	Miễn nhiệm ngày 30/06/2025

5	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	29/06/2022	Miễn nhiệm ngày 30/06/2025

2. Ban Kiểm soát:

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn giữ chức vụ	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Dương Văn Chuyên	Thành viên BKS	31/07/2020 bổ nhiệm lại ngày 29/6/2022	
2	Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 29/06/2022	Miễn nhiệm ngày 30/06/2025
3	Bà Hà Thị Thu Hằng	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 01/07/2025	

3. Ban Điều hành/Giám đốc:

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn giữ chức vụ	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Bá Trường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/5/2022	Miễn nhiệm ngày 30/6/2025
2	Ông Lê Tài Đức	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/7/2025	

II. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động của HĐQT.

Trong năm HĐQT đã thực hiện kiểm tra, giám sát và đảm bảo lợi ích cổ đông theo đúng chức năng, quyền hạn của mình, đồng thời hoàn thiện quản trị Công ty cho phù hợp với quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Quyết định, xem xét kế hoạch sản xuất kinh doanh, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra các định hướng, giải pháp để thực hiện kế hoạch cả năm 2025.

- HĐQT đã họp bàn và ban hành các nghị quyết, quyết định kịp thời, phù hợp với tình hình quản trị và hoạt động thực tế của Công ty, tuân thủ đúng định hướng nghị quyết đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua.

- HĐQT đã triển khai và hoàn thành tốt các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

- HĐQT đa dạng về kinh nghiệm chuyên môn và các lĩnh vực khác, tuy luôn có sự thống nhất trong các quyết định đưa ra nhưng vẫn duy trì được tính độc lập cao của các thành viên.

2. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Các thành viên HĐQT luôn tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao. Thành viên HĐQT/Ban Điều hành và đại diện KSV dự họp, tham gia đầy đủ đóng góp ý kiến/biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan gồm:

2.1. Ông Nguyễn Huy Hoàng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, kịp thời lấy ý kiến của các thành viên HĐQT trong một số nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông.

2.2. Ông Lê Tài Đức - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc từ ngày 01/07/2025)

- Tiếp tục triển khai và phát triển các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh của Công ty PVTS từ đầu năm để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao.
- Phối hợp với các thành viên HĐQT, thực hiện đúng chỉ đạo và định hướng kinh doanh và các nội dung quan trọng đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tích cực trao đổi và báo cáo lên HĐQT kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các khó khăn, vướng mắc gặp phải, để kịp thời bàn bạc, xin ý kiến nhằm đưa ra những giải pháp hiệu quả nhất.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm/bán niên/quý.
- Đảm bảo công bố thông tin một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời đúng quy định.

2.3. Bà Đinh Thị Huyền Anh - Thành viên Hội đồng quản trị (giữ chức Thành viên HĐQT từ ngày 01/07/2025)

- Thực hiện nghiêm túc vai trò là thành viên HĐQT, phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong hoạt động của HĐQT. Đối với việc trả lời phiếu lấy ý kiến của các thành viên HĐQT luôn đúng thời hạn.

- Với chuyên môn trong lĩnh vực tài chính lâu năm luôn đóng góp nhiều ý kiến cho hoạt động của Công ty trong lĩnh vực tài chính kế toán, xử lý tồn tại.. và các công việc khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Phối hợp với các thành viên HĐQT trong mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định và hiệu quả trong các hoạt động của Công ty.

2.4. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 30/06/2025)

- Thực hiện nghiêm túc vai trò là thành viên HĐQT, phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong hoạt động của HĐQT. Đối với việc trả lời phiếu lấy ý kiến của các thành viên HĐQT đúng thời hạn. Đóng góp nhiều ý kiến cho hoạt động của Công ty trong lĩnh vực tài chính kế toán, quản trị rủi ro, xử lý tồn tại.. và các công việc khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

2.5. Ông Lê Bá Trường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (miễn nhiệm thành viên HĐQT/Giám đốc từ ngày 30/06/2025)

- Luôn phối hợp với các thành viên HĐQT, thực hiện đúng chỉ đạo và định hướng kinh doanh và các nội dung quan trọng đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Tích cực trao đổi và báo cáo lên HĐQT kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các khó khăn, vướng mắc gặp phải, để kịp thời bàn bạc, xin ý kiến nhằm đưa ra những giải pháp hiệu quả nhất.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm/bán niên/quý và thực hiện công bố thông tin một cách chính xác, đầy đủ kịp thời đúng quy định.

3. Các cuộc họp của HĐQT:

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp để thông qua các vấn đề chiến lược, nhân sự, kế hoạch hoạt động của Công ty với sự tham dự đầy đủ của các thành viên HĐQT cụ thể:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Huy Hoàng	05/05	100%	100%
2	Lê Tài Đức	03/03	100%	100%
3	Bà Đinh Thị Huyền Anh	03/03	100%	100%
4	Nguyễn Mạnh Hùng	02/05	100%	100%
5	Lê Bá Trường	02/02	100%	100%

4. Các Nghị quyết được HĐQT thông qua:

Các quyết định được Hội đồng quản trị thông qua như sau:

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
01	05/NQ-PVTS	18/02/2025	NQ v/v Phê duyệt kế hoạch SXKH năm 2025 của Công ty PVTS	100%
02	08/NQ-PVTS	13/03/2025	NQ v/v Phê duyệt các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 3/2025	100%
03	09/QĐ-PVTS	13/03/2025	QĐ v/v Ban hành Quy trình chuyển nhượng Bất động sản tại Công ty PVTS	100%
04	10/QĐ-PVTS	18/03/2025	QĐ: v/v Thành lập Tổ công tác cơ cấu danh mục đầu tư bất động sản tại PVTS	100%
05	11/QĐ- PVTS	28/03/2025	QĐ: v/v Phê duyệt nội dung tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 Công ty Licogi 13	100%
06	21/QĐ-PVTS	16/04/2025	QĐ ban hành quy chế trả lương của Công ty PVTS	100%
07	22/BB-PVTS.HĐQT	16/04/2025	Biên bản họp Hội đồng quản trị PVTS	100%
08	23/NQ-PVTS.HĐQT	16/04/2025	NQ v/v Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm tạm thời thành viên HĐQT, BKS thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027	100%
09	30/QĐ-PVTS	17/6/2025	QĐ: Phê duyệt biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Cty XMHL	100%
10	45/NQ-PVTS.ĐHĐCĐ	30/6/2025	NQ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty PVTS	100%
11	47/NQ-PVTS.HĐQT	30/6/2025	NQ về việc Thay đổi người Đại diện theo Pháp luật	100%
12	50/NQ-PVTS.ĐHĐCĐ	30/6/2025	NQ về việc Miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS	100%
13	51/NQ-PVTS.ĐHĐCĐ	30/6/2025	NQ về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với ông Lê Tài Đức	100%
14	52/NQ-PVTS.ĐHĐCĐ	30/6/2025	NQ về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với Bà Đinh Thị Huyền Anh	100%
15	53/NQ-PVTS.ĐHĐCĐ	30/6/2025	NQ về việc bầu bổ sung thành viên BKS đối với bà Hà Thị Thu Hằng	100%
16	55/QĐ-PVTS.HĐQT	30/6/2025	QĐ về việc Miễn nhiệm Giám đốc ông Lê Bá Trường	100%
17	56/QĐ-PVTS.HĐQT	30/6/2025	QĐ về việc Bổ nhiệm Giám đốc ông Lê Tài Đức	100%

18	63/QĐ-PVTS	24/07/2025	QĐ Thành lập Tổ công tác cơ cấu danh mục Đầu tư BĐS Công ty PVTS	100%
19	65/NQ-PVTS	29/07/2025	NQ v/v Phê duyệt phương án xử lý tài sản khắc phục hậu quả vụ án theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/C03 ngày 16/12/2019 của CQCSĐT C03	100%
20	66/QĐ-PVTS	1/6/2025	QĐ: Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2025 cho CBCNV Công ty PVTS	100%
21	67/NQ-PVTS	23/9/2025	NQ v/v Phê duyệt giá khởi điểm của các BĐS thuộc sở hữu của PVTS cho mục đích chuyển nhượng	100%
22	71/NQ-PVTS	13/10/2025	NQ: v/v Phê duyệt các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 10/2025	100%
23	72/NQ-PVTS	13/10/2025	NQ: v/v Phê duyệt kết quả SXKD 09 tháng đầu năm và chỉ tiêu kế hoạch năm 2025	100%
24	73/NQ-PVTS	13/10/2025	NQ: v/v Phê duyệt cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty PVTS	100%
25	74/QĐ-PVTS	28/10/2025	QĐ: v/v Ban hành quy định cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban	100%
26	75/NQ-PVTS	12/11/2025	NQ: v/v Lựa chọn đơn vị AASC kiểm toán BCTC năm 2025	100%
27	76/NQ-PVTS	10/12/2025	NQ: v/v Phê duyệt chủ trương phát triển sản phẩm dịch vụ mới của PVTS	100%
28	77/NQ-PVTS	11/12/2025	NQ: v/v Phê duyệt kết quả đấu giá bất động sản thuộc sở hữu Công ty	100%
29	78/NQ-PVTS	12/12/2025	NQ: v/v Phê duyệt kế hoạch tiếp tục đấu giá các BĐS chưa thành công tại phiên đấu giá ngày 08/12/2025	100%

5. Công tác quản lý, giám sát của HĐQT đối với Bộ máy điều hành:

Hội đồng quản trị luôn sát sao cùng Giám đốc Công ty, kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp và linh hoạt, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn an toàn và hiệu quả.

- Giám sát công tác điều hành của Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- Quản trị các hoạt động dịch vụ, hợp tác kinh doanh, tài chính theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành cũng như các quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Các quy trình, quy chế thường xuyên được sửa đổi, làm mới để phù hợp với mô hình kinh doanh của Công ty.
- Công ty luôn trú trọng đến môi trường làm việc chính sách - quyền lợi cho người lao động. Quy chế trả lương công khai, minh bạch, đúng kỳ hạn. Đảm bảo người lao động có việc làm; thời gian nghỉ ngơi đúng luật và có thu nhập ổn định.

III. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025

1. Về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	Tỷ lệ % So với 2024	Tỷ lệ % so với KH 2025
1	**Doanh thu và thu nhập khác**	**50.78**	**55.55**	**51.14**	**100.7%**	**92.1%**
1.1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.0	55.00	37.99	75.9%	69.1%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	0.74	0.55	13.15	1777%	2390%
1.3	Thu nhập khác	0.04				
2	**Chi phí**	**50.63**	**54.75**	**38.78**	**76.6%**	**70.8%**
2.1	Giá vốn	47.2	50.66	34.76	73.6%	68.6%
2.2	Chi phí tài chính	0.024	0.025	0.043	179%	172%
2.3	Chi phí bán hàng	0.29	0.3	0.54	186%	180%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.09	3.66	3.44	111.3%	94%
2.5	Chi phí khác	0.01	0.1			
2.6	Chi phí dự phòng	(2.64)				
3.1	**Lợi nhuận trước trước thuế**	**2.79**	**0.8**	**12.31**	**441.2%**	**1538%**
	Thuế TNDN		0.3	1.88		626%
3.2	**Lợi nhuận sau thuế**	**2.79**	**0.5**	**10.43**	**373.8%**	**2086%**
4	Lao động cuối kỳ (người)	11	11	11	100%	100%

2. Về tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua tổng quỹ thù lao của thành viên HĐQT, BKS cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao thực hiện 2025 (đồng)	Kế hoạch thù lao Năm 2025
Thù lao Hội đồng quản trị			**252.000.000**	**252.000.000**
1	Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	84.000.000
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	20.000.000	20.000.000
3	Lê Bá Trường	Thành viên	30.000.000	30.000.000
4	Lê Tài Đức	Thành viên	30.000.000	30.000.000
5	Đinh Thị Huyền Anh	Thành viên	40.000.000	40.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát			**48.000.000**	**48.000.000**
1	Dương Văn Chuyên	Kiểm soát viên	24.000.000	24.000.000
2	Hà Thị Thu Hằng	Kiểm soát viên	16.000.000	16.000.000
3	Phạm Ngọc Dũng	Kiểm soát viên	8.000.000	8.000.000

3. Về thực hiện những nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền

- Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tổ chức và quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Đối với nội dung đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức (Upcom): Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, PVTS đã thực hiện đàm phán ký kết hợp đồng tư vấn Đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch Upcom với Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), PVTS đã hoàn thiện hồ sơ về đăng ký giao dịch Upcom nộp Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam -VSDC (trước đây là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - VSD) từ tháng 6/2023. Sau một thời gian làm việc Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt nam (VSDC) yêu cầu PVTS gửi lại "Báo cáo tài chính năm 2022 được Công ty kiểm toán xác nhận số vốn thực góp". Tuy nhiên Công ty kiểm toán đã thực hiện kiểm toán và chỉ kiểm toán với nội dung "Báo cáo số dư khoản mục vốn góp của chủ sở hữu". Theo quy định trong hồ sơ đăng ký tại VSDC là "Báo cáo tài chính kiểm toán năm được Công ty kiểm toán xác nhận số vốn thực góp", không quy định "Báo cáo kiểm toán số dư khoản mục vốn góp của chủ sở hữu". Vì vậy, với trường hợp Công ty kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến với Báo cáo tài chính kiểm toán thì PVTS nộp hồ sơ bao nhiêu lần cũng không khả thi. Theo quy định của luật mới PVTS không còn đủ điều kiện là Công ty đại chúng, vì vậy tháng 4/2026 PVTS đã có văn bản gửi VSDC xem xét và ra quyết định về việc không đủ điều kiện là Công ty đại chúng.

IV. Quan hệ cổ đông:

- Công ty vẫn duy trì công tác quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp các thông tin cho cổ đông theo yêu cầu và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Công ty.

- Các cổ đông đều được thông báo đầy đủ các thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, các công bố thông tin theo quy định của pháp luật, kịp thời xin ý kiến cổ đông để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.

V. Các giao dịch cổ phiếu giữa Công ty/công ty con/công ty do PVTS nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan khác:

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.

- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: *Phụ lục đính kèm*

- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có.

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

- Hội đồng quản trị xin cam kết trước Đại hội đồng cổ đông sẽ tiếp tục thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch 2026:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2026
Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	41.8
Chi phí	Tỷ đồng	26.9
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14.9
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12.4
Định biên lao động	Người	11

(Các số liệu cơ bản liên quan đến chỉ tiêu lợi nhuận năm 2026 trên đây được xây dựng trên cơ sở những hoạt động kinh doanh đang triển khai chưa bao gồm các khoản trích lập/hoàn nhập dự phòng).

2. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Ổn định bộ máy và phát triển Công ty theo hướng dịch vụ hiệu quả và bền vững, song song với kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông;

- Tiếp tục tiến hành xử lý các vấn đề còn tồn đọng chưa thể xử lý trong năm 2025; Trước sức ép của các chủ nợ để tránh những tranh chấp pháp lý có thể xảy ra Công ty tiếp tục thực hiện cơ cấu lại tài sản hiện có (bất động sản, cổ phiếu) để tăng cường dòng tiền, từ đó cân đối giãn nợ/trả nợ từng phần đảm bảo hài hòa lợi ích các bên.

- Duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.

- Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị công ty áp dụng theo những thông lệ tiên tiến nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.

- Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng và các phụ cấp để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên công ty.

- Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các đối tác, nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

3. Định hướng quản lý:

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro đảm bảo cho Công ty hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật;

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống mô hình tổ chức, chế độ lương thưởng, sắp xếp, tuyển dụng nhân sự đáp ứng được nhu cầu phát triển nghiệp vụ mới của Công ty;

- Đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ công nhân viên trong Công ty.

III. Kết luận:

Như vậy, tổng kết năm 2025 công ty PVTS đã đạt được kết quả kinh doanh vượt kế hoạch, các vấn đề tồn đọng đang tiếp tục được xử lý. Có thể nói trong điều kiện khó khăn tồn tại nhiều năm qua của PVTS, kết quả sản xuất kinh doanh đã phản ánh sự nỗ lực không ngừng của các nhân sự Lãnh đạo mới do Cổ đông lớn - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam giới thiệu cùng đội ngũ CBCNV trong việc đổi mới hoạt động Công ty.

- Năm 2025 là năm tiếp tục hoạt động kinh doanh hiệu quả sau rất nhiều năm PVTS không có doanh thu từ hoạt động kinh doanh và còn có lãi (từ năm 2012 đến 2020 chỉ có doanh thu từ hoạt động tài chính). Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2025 là 12,3 tỷ đồng, đạt 1538% kế hoạch năm 2025. Trong năm, công ty thực hiện một phần việc tái cơ cấu danh mục đầu tư (chuyển nhượng chứng khoán, bất động sản) dẫn đến lợi nhuận thực hiện đạt 2086% kế hoạch đặt ra. Có thể nói trong điều kiện khó khăn của PVTS, đặc biệt là việc thiếu hụt nguồn vốn kinh doanh do phải thu xếp trả nợ các chủ nợ, Ban Lãnh đạo cùng đội ngũ CBCNV đã hết sức nỗ lực trong việc phát triển hoạt động kinh doanh, mang lại doanh thu bù đắp chi phí, đảm bảo duy trì hoạt động liên tục cũng như ổn định đời sống cho CBNV. Ngoài việc đảm bảo các chi phí tối thiểu cho hoạt động sản xuất kinh doanh, từ năm 2022 đến nay PVTS mỗi năm đều trả nợ cho Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam 100 triệu đồng, Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí (PVFCCo) 50 triệu đồng.

- Góp phần không nhỏ trong việc giảm lỗ lũy kế từ âm 477 tỷ đồng năm 2019 xuống âm 444 tỷ đồng năm 2023, cuối năm 2024 xuống âm 441 tỷ đồng và năm 2025 xuống âm 430 tỷ đồng.

- Ban Lãnh đạo đặt mục tiêu nỗ lực trong việc phối hợp với cơ quan thi hành án để thu hồi tiền, tài sản đảm bảo quyền lợi của PVTS với kết quả là Bản án sơ thẩm số 590/2023/HSST ngày 12/12/203 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án phúc thẩm số 443/2025/HSP ngày 22/05/2025 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội

ban hành Bản án tuyên phạt các bị cáo/Công ty SME trong vụ SME phải hoàn trả cho PVTS số tiền 108.657.516.160 đồng.

- PVTS luôn bám sát cùng với Pvcombank trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư số 109/2011/PVFC-PVFI, 30/2011/PVFC-PVFI, để xử lý dứt điểm công nợ giữa các bên liên quan. Ngày 22/12/2023 Pvcombank khởi kiện PVTS và Công ty D&T tại tòa án nhân dân Quận Ba Đình. Tòa án đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 159/2023/TLST-KDTM về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy thác đầu tư". Sau thời gian hòa giải giữa các bên không thành, ngày 16/7/2024 Tòa án nhân dân Quận Ba Đình đưa vụ án ra xét xử và ngày 26/7/2024 Tòa án nhân dân Quận Ba Đình đã ra Quyết định bản án buộc Công ty D&T và PVTS phải liên đới trả cho Pvcombank: (i) số tiền gốc là 71.104.769.960 đồng; (ii) Lợi tức ủy thác là 2.107.880.322 đồng; (iii) Lãi chậm thanh toán là 388.201.431.546 đồng. Tuy nhiên, khi bản án được Cơ quan thi hành án thực hiện bị vướng trong việc xác định giá trị tài sản đảm bảo nên Cơ quan Thi hành án trả hồ sơ vụ việc để Tòa án xác định.

- Về hồ sơ Upcom: PVTS đã các văn bản gửi UBCK xem xét do không đủ điều kiện là Công ty đại chúng.

- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, bố trí lại nhân sự theo hướng đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng mới để duy trì khả năng hoạt động liên tục cũng như ổn định đời sống cho CBNV. Tuy nhiên, phần lớn các vấn đề tồn tại của PVTS là phức tạp, để xử lý dứt điểm cần có thời gian và phụ thuộc vào phán quyết của các cơ quan chức năng. Do đó, thời gian tới công ty PVTS tiếp tục rà soát hồ sơ và bám sát các cơ quan bảo về pháp luật và các bên liên quan để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho công ty.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị. Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Các cơ quan ban ngành. Hy vọng Quý vị sẽ tiếp tục tín nhiệm, ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trên con đường thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đề ra năm 2026, duy trì sự ổn định và phát triển đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Cổ đông PVTS;
- Lưu VT, TK.HĐQT (QT02).

Nguyễn Huy Hoàng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP- NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC – PVTS

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

V/v: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
CTCP Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Ban điều hành xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

1. Các chỉ tiêu cơ bản:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	Tỷ lệ % So với 2024	Tỷ lệ % so với KH 2025
1	**Doanh thu và thu nhập khác**	**50.78**	**55.55**	**51.14**	**100.7%**	**92.1%**
1.1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.0	55.00	37.99	75.9%	69.1%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	0.74	0.55	13.15	1777%	2390%
1.3	Thu nhập khác	0.04				
2	**Chi phí**	**50.63**	**54.75**	**38.78**	**76.6%**	**70.8%**
2.1	Giá vốn	47.2	50.66	34.76	73.6%	68.6%
2.2	Chi phí tài chính	0.024	0.025	0.043	179%	172%
2.3	Chi phí bán hàng	0.29	0.3	0.54	186%	180%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.09	3.66	3.44	111.3%	94%
2.5	Chi phí khác	0.01	0.1			
2.6	Chi phí dự phòng	(2.64)				
3.1	**Lợi nhuận trước trước thuế**	**2.79**	**0.8**	**12.31**	**441.2%**	**1538%**
	Thuế TNDN		0.3	1.88		626%
3.2	**Lợi nhuận sau thuế**	**2.79**	**0.5**	**10.43**	**373.8%**	**2086%**
4	Lao động cuối kỳ (người)	11	11	11	100%	100%

2. Kết quả thực hiện kế hoạch 2025.

2.1. Về kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2025, tổng doanh thu đạt 51,1 tỷ đồng (tương đương 92% kế hoạch năm), lợi nhuận sau thuế đạt 10,43 tỷ đồng (đạt 2086% kế hoạch năm). Chi tiết kết quả kinh doanh năm2025 như sau:

- Tổng doanh thu: đạt 51,1 tỷ đồng. Trong đó:
- Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: 38 tỷ đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính: 13,1 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 38,8 tỷ đồng. Trong đó:
- Giá vốn hàng bán: 34,8 tỷ đồng
- Chi phí tài chính: 0,043 tỷ đồng
- Chi phí bán hàng: 0,54 tỷ đồng
- Chi phí Quản lý doanh nghiệp: 3,44 tỷ đồng.
- Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: 3,19 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế 2025: 10,43 tỷ đồng.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

➢ Về doanh thu: Năm 2025 doanh thu của công ty đạt 51,1 tỷ đồng. Cụ thể:

- Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh thương mại đạt 25,7 tỷ đồng, giá vốn 23,8 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 1,9 tỷ đồng.

- Doanh thu hoạt động dịch vụ đào tạo và tổ chức sự kiện đạt: 12,2 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 1,2 tỷ đồng (tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu đạt 10%). Trong năm 2025, PVTS đã tổ chức dịch vụ đào tạo, sự kiện cho các đơn vị phù hợp với lĩnh ngành nghề đăng ký kinh doanh.

- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 13,1 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ bán chứng khoán 12,37 tỷ đồng, lãi tiền gửi ngân hàng 0,74 tỷ đồng).

➢ Về chi phí, tổng chi phí năm 2025 là 38,8 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu là giá vốn hàng hóa thương mại 23,8 tỷ đồng, dịch vụ sự kiện chiếm 11 tỷ đồng. Ngoài ra, chi phí bán hàng 0,54 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp 3,44 tỷ đồng. Công ty luôn đề cao tinh thần thực hiện tiết kiệm chi phí tối đa, giảm chi phí lương cố định hàng tháng, bổ sung hình thức trả lương khoán theo doanh thu để đảm bảo công bằng và nâng cao hiệu quả công việc của CBCNV.

➢ **Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 đạt và vượt xa kế hoạch chủ yếu đến từ hiệu quả chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính của PVTS đã tận dụng được nhịp tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 12,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 10,43 tỷ đồng, nộp thuế TNDN 1,88 tỷ đồng.**

3. Về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025.

➢ **Các vấn đề tồn đọng:**

- Đối với các khoản công nợ phải thu (nhóm khách hàng SME): Liên quan đến vụ án "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" của Phạm Minh Tuấn và đồng phạm xảy ra tại công ty chứng khoán SME, ngày 2/5/2025, Tòa án nhân dân cấp cao TP Hà Nội đã ban hành bản án số 443/2025/HSST quyết định buộc SME phải bồi thường cho PVTS số tiền 76,65 tỷ, buộc bị cáo Phạm Minh Tuấn phải bối thường cho PVTS số tiền 32 tỷ đồng, đồng thời xác nhận một số tài sản của các bị cáo đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự. Công ty PVTS đang tiến hành các thủ tục yêu cầu thi hành án đối với các tài sản tạm giữ nêu trên để thu hồi công nợ.

- Đối với khoản công nợ phải trả nhận ủy thác quản lý vốn: Công ty tiếp tục làm việc với các đơn vị để đàm phán xin giãn nợ, hỗ trợ các hoạt động cung cấp dịch vụ để PVTS có nguồn trả nợ các đơn vị. Trong năm 2025, PVTS đã thanh toán công nợ cho PVN: 100,000,000 đồng (cổ tức PVFI năm 2009), PVFCCo: 50,000,000 đồng, Công đoàn ngành: 60,000,000 đồng.

- Hiện nay PVTS đang tiếp tục rà soát, đánh giá tài sản hiện có để tái cơ cấu danh mục đầu tư, cân đối nguồn trả nợ cho PVN, PVFCCo…và bổ sung nguồn vốn hoạt động đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong Quý 4/2025, PVTS đã làm thủ tục bán đấu giá 2 bất động sản để thu hồi vốn, trong đó có 01 bất động sản đã giao dịch thành công và đang trong thời gian làm thủ tục chuyển nhượng.

- PVTS luôn bám sát cùng với Pvcombank trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư số 109/2011/PVFC-PVFI, 30/2011/PVFC-PVFI, để xử lý dứt điểm công nợ giữa các bên liên quan. Ngày 22/12/2023 Pvcombank khởi kiện PVTS và Công ty D&T tại tòa án nhân dân Quận Ba Đình. Tòa án đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 159/2023/TLST-KDTM về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy thác đầu tư". Sau thời gian hòa giải giữa các bên không thành, ngày 16/7/2024 Tòa án nhân dân Quận Ba Đình đưa vụ án ra xét xử và ngày 26/7/2024 Tòa án nhân dân Quận Ba Đình đã ra Quyết định bản án. Sau khi xem xét Bản án và hồ sơ vụ án Cơ quan Thi hành án trả hồ sơ yêu cầu Tòa án Ba Đình xác định rõ giá trị của Tòa nhà Quán Toan trong quá trình xét xử để Thi hành án có cơ sở trong việc xác định giá/giá trị tài sản đem phát mại.

- Về việc nộp hồ sơ Upcom: PVTS đã nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán. Tuy nhiên theo quy định mới tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và một số Luật chuyên ngành, PVTS không đủ điều kiện là công ty đại chúng (Điểm a, khoản 1, Điều 32 sửa đổi - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14), do đó PVTS không đủ điều kiện niêm yết trên sàn Upcom.

➢ **Các hoạt động kinh doanh mới triển khai:**

- Trong năm 2025, PVTS tiếp tục thực hiện nghiệp vụ hợp tác kinh doanh mua bán hàng hóa thương mại và cung cấp dịch vụ đào tạo, tổ chức sự kiện theo ngành nghề kinh doanh đăng ký. Các hoạt động kinh doanh mới đã góp phần tạo ra lợi nhuận gộp, giúp công ty duy trì bộ máy hoạt động, cải thiện tình hình tài chính và dần có nguồn thanh toán một phần các khoản nợ phải trả cho PVN và các đơn vị trong Tập đoàn.

- Tuy nhiên, đến thời điểm tháng 1/2026 hoạt động kinh doanh của Công ty G&G Holdings (đối tác hợp tác kinh doanh thương mại với PVTS) gặp vấn đề pháp lý với cơ quan cảnh sát điều tra, hoạt động hiện đang gián đoạn không thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa PVTS và G&G Holdings, không có khả năng thanh toán hoàn trả đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tổng số tiền G&G Holdings phải trả cho PVTS là 40,1 tỷ đồng. PVTS đã có nhiều văn bản và tổ chức làm việc với G&G Holding. Tuy nhiên kết quả không khả quan do Công ty không còn khả năng hoạt động, thanh toán hoàn trả tiền cho PVTS và thiếu thiện chí trong việc xây dựng phương án hoàn trả, xác nhận công nợ.

- Trong năm, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Công ty, HĐQT công ty đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-PVTS ngày 10/12/2025 về việc chủ trương triển khai dịch vụ mới - dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Công ty đã tổ chức thí điểm triển khai dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại văn phòng Công ty trong 2 tháng cuối năm 2025 và thu được kết quả khá tích cực, được CBCNV Tập đoàn ghi nhận chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới khách hàng hỗ trợ cho hoạt động dịch vụ tổ chức sự kiện, đào tạo. Hiện tại, Công ty đang rà soát tìm kiếm đối tác để cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe văn phòng đưa dịch vụ chăm sóc sức khỏe vào chuỗi dịch vụ của PVTS.

➢ **Các nhiệm vụ trọng tâm khác:**

- Hoàn thiện quy trình, quy chế nội bộ: Trong năm công ty tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình nội bộ cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện nay, Công ty đang hoàn thiện xây dựng quy trình chuyển nhượng Bất động sản, chứng khoán trình HĐQT phê duyệt để có cơ sở triển khai các nhiệm vụ kinh doanh theo kế hoạch.

- Đảm bảo thu nhập và phúc lợi cho CBCNV: Năm 2025 Công ty tiếp tục thực hiện trả lương theo quy chế khoán, nhằm nâng cao trách nhiệm của người lao động với công việc được giao, cải thiện thu nhập CBCVN đồng thời đảm bảo công bằng trong việc trả lương. Năm 2025, thu nhập bình quân người lao động đạt 20 trđồng/người/tháng (bao gồm lương khoán). Ngoài ra, trong năm công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động như thăm hỏi, quà ngày lễ tết, đồng phục, tham quan, ngoại khóa…..để nâng cao đời sống tinh thần cho CBCVN.

4. Đánh giá chung.

Như vậy, tổng kết năm 2025 công ty PVTS đã đạt được kết quả kinh doanh vượt kế hoạch, tăng cường năng lực tài chính, và dần từng bước xử lý các vấn đề tồn đọng. Có thể nói trong điều kiện khó khăn tồn tại nhiều năm qua của PVTS, kết quả sản xuất kinh doanh đã phản ánh sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng đội ngũ CBCNV trong việc đổi mới hoạt động Công ty, đảm bảo duy trì khả năng hoạt động liên tục cũng như ổn định đời sống cho CBNV. Tuy nhiên, phần lớn các vấn đề tồn tại của PVTS là phức tạp, để xử lý dứt điểm cần có thời gian và phụ thuộc vào quyết định của các cơ quan chức năng. Do đó, thời gian tới công ty PVTS tiếp tục rà soát hồ sơ và bám sát các cơ quan bảo vệ pháp luật và các bên liên quan để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành về kết quả thực hiện kinh doanh năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Cổ đông PVTS;
- HĐQT PVTS;
- Ban KS PVTS;
- Lưu VT, TCKD (T03b)

Lê Tài Đức

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /BC – PVTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
CTCP Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Căn cứ tình hình thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty năm 2025 và dự báo tình hình kinh tế cũng như định hướng hoạt động của Công ty năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty như sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục làm việc với các cơ quan bảo vệ pháp luật, và các bên liên quan để giải quyết dứt điểm các tồn tại, mang lại lợi ích cao nhất cho công ty;

- Tiếp tục cơ cấu danh mục đầu tư hiện có để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh;

- Tập trung xây dựng triển khai giải pháp quản trị rủi ro mới phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh thương mại và thu hồi công nợ.

- Tập trung cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam/các đơn vị;

- Triển khai phát triển sản phẩm dịch vụ mới

- Các nhiệm vụ trọng tâm khác.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026.

2.1. Chỉ tiêu kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2026
Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	41.8
Chi phí	Tỷ đồng	26.9
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14.9
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12.4
Định biên lao động	Người	11

(Các số liệu cơ bản liên quan đến chỉ tiêu lợi nhuận năm 2026 trên đây được xây dựng trên cơ sở những hoạt động kinh doanh đang triển khai chưa bao gồm các khoản trích lập/hoàn nhập dự phòng).

2.2. Kế hoạch doanh thu năm 2026

2.2.1. Chỉ tiêu doanh thu

Năm 2026, Công ty dự kiến tập trung triển khai các hoạt động: cung cấp dịch vụ đào tạo và tổ chức sự kiện; chuyển nhượng danh mục đầu tư bất động sản; đầu tư tài chính. Trong đó, trọng tâm là thực hiện cơ cấu danh mục tài sản hiện có để thu hồi vốn. Cơ cấu doanh thu 2026 dự kiến như sau:

Stt	Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu (đồng)	Tỷ trọng %/DT
1	Đào tạo và tổ chức sự kiện	10.000.000.000	23.9%
2	Chuyển nhượng BĐS	29.800.000.000	71.3%
3	Hoạt động tài chính	1.805.000.000	4.3%
4	Thu nhập khác	200.000.000	0.5%
	Tổng cộng	**41.805.000.000**	**100%**

2.2.2. Giải pháp đối với từng hoạt động.

➢ Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo và tổ chức sự kiện:

- Khảo sát, xác định nhu cầu đào tạo có trọng tâm: Chủ động làm việc với PVN và các đơn vị thành viên để khảo sát nhu cầu đào tạo theo từng nhóm lĩnh vực (tài chính, quản trị, kỹ năng…). Phân loại nhu cầu theo cấp độ từ đó thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với đặc thù từng đơn vị.

- Xây dựng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm đào tạo. Phát triển các chương trình đào tạo trọng tâm năm 2026 gồm: tài chính – kế toán (cập nhật chính sách thuế, chế độ kế toán, quản trị chi phí), quản trị kinh doanh, đào tạo nội bộ và các kỹ năng mềm (giao tiếp, đàm phán…), đưa các nội dung mới như ứng dụng AI trong quản trị doanh nghiệp vào chương trình đào tạo nhằm bắt kịp xu hướng.

- Phát triển đội ngũ giảng viên và năng lực tổ chức đào tạo. Thiết lập mạng lưới giảng viên và chuyên gia bên ngoài có kinh nghiệm thực tiễn. Tổ chức đào tạo nội bộ nhằm nâng cao năng lực điều phối lớp học, chăm sóc học viên và quản lý chất lượng chương trình. Bên cạnh đó, kịp thời ưng dụng công nghệ (nền tảng học trực tuyến, quản lý học viên) để tối ưu công tác tổ chức và mở rộng hình thức đào tạo (offline kết hợp online).

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ tổ chức sự kiện cho Petrovietnam và các đơn vị thành viên: hội nghị tài chính, hội nghị tổng kết, hội thảo chuyên môn, sinh hoạt nghiệp vụ, teambuilding… Phát huy kinh nghiệm đã triển khai thành công, đồng thời chuẩn hóa quy trình tổ chức sự kiện từ khâu lập kế hoạch, vận hành đến đánh giá sau sự kiện. Mở rộng tìm kiếm đối tác trong và ngoài ngành nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa hình thức tổ chức.

- Doanh thu dịch vụ đào tạo và tổ chức sự kiện dự kiến đạt 10 tỷ đồng, lợi nhuận gộp dự kiến đạt 10%/doanh thu. Thực hiện kiểm soát chi phí tổ chức nhằm đảm bảo biên lợi nhuận.

➢ Đối với sản phẩm dịch vụ mới – dịch vụ chăm sóc sức khỏe văn phòng:

- Tìm kiếm và phấn đấu triển khai 01 phòng chăm sóc sức khỏe văn phòng tại Đơn vị của Petrovietnam. Chủ động làm việc với các đơn vị trong Tập đoàn để khảo sát nhu cầu thực tế, lựa chọn đơn vị phù hợp để triển khai thí điểm.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị: Xây dựng tiêu chuẩn phòng chăm sóc sức khỏe văn phòng (diện tích, bố trí không gian, điều kiện vệ sinh, an toàn). Đầu tư các trang thiết bị cơ bản phục vụ triển khai dịch vụ. Thiết lập quy trình kiểm soát chất lượng dịch vụ, vệ sinh y tế và an toàn cho người sử dụng dịch vụ.

- Tìm kiếm, lựa chọn và hợp tác với đối tác chuyên môn: Rà soát, đánh giá và ký kết hợp tác với chuyên gia trị liệu có uy tín để đảm bảo chất lượng chuyên môn. Xây dựng cơ chế phối hợp, phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa Công ty và đối tác trong quá trình cung cấp dịch vụ.

- Đào tạo nội bộ và phát triển nhân sự: Tổ chức đào tạo kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe văn phòng, kỹ năng phục vụ, quy trình tiếp nhận – tư vấn – chăm sóc khách hàng nhằm đảm bảo trải nghiệm dịch vụ chuyên nghiệp. Từng bước xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên trách, có khả năng phối hợp với đối tác chuyên môn trong quá trình cung cấp dịch vụ.

- Hoàn thiện quy trình vận hành và tích hợp dịch vụ: Xây dựng quy trình cung cấp dịch vụ từ đăng ký, sử dụng, theo dõi đến phản hồi khách hàng. Tích hợp dịch vụ chăm sóc sức khỏe vào hệ sinh thái dịch vụ hiện có của Công ty (tổ chức sự kiện, đào tạo…), tạo giá trị gia tăng cho khách hàng.

➢ Đối với hoạt động tài chính:

- Trên nguyên tắc đảm bảo an toàn và thanh khoản, Công ty ưu tiên lựa chọn các kênh đầu tư ít rủi ro như: tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng uy tín, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp có xếp hạng tín nhiệm tốt và các sản phẩm tài chính do các tổ chức uy tín cung cấp.

- Phân bổ nguồn vốn hợp lý giữa các kỳ hạn ngắn – trung hạn nhằm vừa tối ưu lợi suất, vừa đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2026 dự kiến đạt 1,8 tỷ đồng, trên cơ sở tối ưu hóa nguồn vốn nhàn rỗi và triển khai các kênh đầu tư an toàn, hiệu quả.

➢ Giải pháp tái cơ cấu danh mục đầu tư:

- Trong năm 2026, Công ty dự kiến hoàn thành chuyển nhượng ít nhất 02 bất động sản, với doanh thu khoảng 29,8 tỷ đồng, lợi nhuận gộp dự kiến đạt 20 tỷ đồng.

- Thực hiện đánh giá định kỳ danh mục bất động sản và chứng khoán theo các tiêu chí: khả năng tăng trưởng, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng vốn và mức độ phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Chủ động cơ cấu lại danh mục chứng khoán/bất động sản theo hướng an toàn, linh hoạt, ưu tiên các tài sản có khả năng sinh lời ổn định và dễ chuyển đổi thành tiền.

- Lựa chọn thời điểm giao dịch phù hợp với diễn biến thị trường nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

2.3. Kế hoạch chi phí kinh doanh 2026.

Công ty định hướng quản trị chi phí theo nguyên tắc linh hoạt – gắn với doanh thu – đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận, đồng thời duy trì nền tảng tài chính an toàn và bền vững.

2.3.1 Chi phí kinh doanh năm 2026 được xây dựng bao gồm các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Diễn giải	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %/Chi phí
1	Giá vốn hàng bán	18.517.280.000	68.8%
2	Chi phí tài chính	30.000.000	0.2%
3	Chi phí bán hàng	1.456.175.000	5%
4	Chi phí QLDN, trong đó:	6.889.949.488	26%
	Chi phí quản lý thường xuyên	*4.889.949.488*	*18%*
	Chi phí hỗ trợ pháp lý	*2.000.000.000*	*8%*
	Tổng cộng	**26.893.404.488**	**100%**

2.3.2. Chi tiết các khoản mục chi phí.

➢ **Giá vốn hàng bán, bao gồm:**

- Giá vốn mua vào của hàng hóa, dịch vụ đào tạo và tổ chức sự kiện, giá vốn bất động sản chuyển nhượng.

- Lương khoán theo doanh số (P3K): Quỹ lương khoán năm 2026 (P3K) dự kiến tối đa 20% doanh thu cung cấp dịch vụ (~ 2 tỷ đồng), áp dụng linh hoạt theo từng loại hình dịch vụ.

➢ **Chi phí tài chính:**

Chi phí tài chính năm 2026 dự kiến là 30 triệu đồng (bao gồm phí lưu ký chứng khoán niêm yết trên tài khoản chứng khoán công ty và phí bán chứng khoán).

➢ **Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng năm 2026 dự kiến chiếm 4% doanh thu bán hàng (1,45 tỷ đồng). Bao gồm các chi phí hỗ trợ việc thực hiện chuyển nhượng danh mục Bất động sản (dịch vụ đấu giá, pháp lý, dọn mặt bằng, ….) và chi phí hỗ trợ cho hoạt động bán hàng cung cấp các dịch vụ của công ty (quà tặng chăm sóc khách hàng/đối tác). Định hướng ưu tiên các hoạt động marketing – chăm sóc khách hàng có khả năng tạo ra doanh thu trực tiếp cho công ty.

➢ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2026 dự kiến là 6,89 tỷ đồng. Trong đó:

❖ Chi phí hoạt động thường xuyên: 4,89 tỷ đồng, gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: Dự kiến 2,72 tỷ đồng, trong đó:

  - Quỹ thù lao Hội đồng quản trị, BKS: 0,25 tỷ đồng

  - Quỹ tiền lương CBCNV và Giám đốc: 2,17 tỷ đồng, chia thành 3 phần:

+ Phần 1 (P1): quỹ tiền lương theo vị trí công việc, dự kiến 1,08 tỷ đồng/năm, trung bình 90 triệu đồng/tháng.

+ Phần 2 (P2): quỹ tiền lương theo năng lực hoàn thành công việc, dự kiến bằng 35% quỹ lương P1 (0,38 tỷ đồng).

+ Phần 3 (P3HQ): quỹ tiền lương hiệu quả kinh doanh, dự kiến 0,46 tỷ đồng (2% lợi nhuận gộp).

Thực hiện gắn thu nhập với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh. Duy trì cơ chế lương 3P (vị trí – năng lực – hiệu quả) để tối ưu năng suất lao động.

- Các khoản trích theo lương: Bao gồm kinh phí công đoàn, chi phí bảo hiểm, ăn ca, tổng chi phí dự kiến 0,55 tỷ đồng.

- Chi phí vật liệu quản lý và trang thiết bị văn phòng:

- Chi phí năm 2026 dự kiến 0,36 tỷ đồng, bao gồm các khoản chi cho vận hành phương tiện (xe ô tô), văn phòng phẩm, phân bổ khấu hao tài sản cố định, công cụ dụng cụ hiện có và đầu tư bổ sung trong năm.

- Việc mua sắm, sửa chữa được thực hiện theo kế hoạch và dự toán được phê duyệt, ưu tiên tận dụng tối đa tài sản hiện có, đảm bảo đầu tư đúng nhu cầu, tránh lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài:

- Chi phí năm 2026 dự kiến 0,2 tỷ đồng, bao gồm các khoản chi thuê ngoài phục vụ hoạt động vận hành của Công ty như: dịch vụ công nghệ thông tin (IT), chuyển phát nhanh, vận chuyển, lưu trữ và duy trì website, điện thoại, internet, bảo trì máy móc thiết

bị. Các khoản chi này nhằm đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt, hỗ trợ hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả làm việc của các bộ phận.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài được thực hiện theo hình thức khoán gọn hoặc hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp uy tín nhằm tối ưu chi phí. Công ty định kỳ rà soát, đánh giá chất lượng dịch vụ và chi phí để điều chỉnh phù hợp, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

- Các chi phí quản lý chung:

- Bao gồm các khoản chi phục vụ hoạt động điều hành và duy trì vận hành thường xuyên của Công ty như: chi phí hành chính, đào tạo nghiệp vụ, hội nghị – hội họp, tiếp khách, kiểm toán, công tác phí, vé máy bay, đồng phục, phúc lợi cho CBCNV và các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định.

- Tổng chi phí quản lý chung năm 2026 dự kiến khoảng 1,5 tỷ đồng, tăng 0,5 tỷ đồng so với năm 2025. Mức tăng này được xác định trên các cơ sở sau:

+ Biến động giá đầu vào dự kiến tăng khoảng 10% so với năm 2025.

+ Nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Công ty dự kiến tăng chi cho đào tạo và hội thảo nội bộ (~0,1 tỷ đồng) nhằm phục vụ định hướng phát triển các mảng dịch vụ mới.

+ Tăng cường nhận diện và gắn kết nội bộ: bổ sung chi phí đồng phục CBCNV (~0,15 tỷ đồng) góp phần chuyên nghiệp hóa hình ảnh, nâng cao chất lượng dịch vụ.

+ Mở rộng hoạt động kinh doanh và quan hệ đối tác: tăng chi phí tiếp khách, giao dịch (~0,2 tỷ đồng) để hỗ trợ công tác bán hàng và phát triển khách hàng.

- Tăng cường kiểm soát ngân sách, ưu tiên các khoản chi gắn trực tiếp với hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời tiết giảm các chi phí chưa thực sự cần thiết nhằm đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả.

❖ Chi phí hỗ trợ pháp lý:

Chi phí năm 2026 dự kiến 2 tỷ đồng, phục vụ cho việc thuê tư vấn luật và các dịch vụ hỗ trợ thủ tục pháp lý nhằm xử lý, thu hồi công nợ và tài sản của Công ty. Cụ thể bao gồm:

+ Thu hồi các khoản công nợ tồn đọng từ hoạt động ủy thác và hợp tác kinh doanh (SME, Công ty chứng khoán Phố Walls, G&G Holdings…).

+ Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến thu hồi tài sản, thi hành án đối với các khoản nợ xấu.

+ Giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện tại Tòa án (nếu có).

Mức chi phí này tương đương khoảng 5% giá trị công nợ có khả năng thu hồi, được xác định trên cơ sở hiệu quả kinh tế dự kiến mang lại từ việc thu hồi vốn. Việc bố trí chi phí pháp lý là cần thiết nhằm đẩy nhanh tiến độ thu hồi công nợ, giảm thiểu rủi ro mất vốn và cải thiện dòng tiền cho Công ty. Các khoản chi được đảm bảo thực hiện có chọn lọc, ưu tiên các hồ sơ có khả năng thu hồi cao, đồng thời gắn chi phí với kết quả thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2.4. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác.

➢ Làm việc với các cơ quan bảo vệ pháp luật, và các bên liên quan để giải quyết dứt điểm các tồn tại kéo dài, mang lại lợi ích cao nhất cho công ty.

- Chủ động phối hợp với Tòa án, cơ quan thi hành án và các cơ quan chức năng liên quan để đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ việc.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ pháp lý, chứng cứ, tài liệu liên quan đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

- Thường xuyên cập nhật tiến độ, kịp thời đề xuất phương án xử lý phù hợp theo diễn biến từng vụ việc.

- Tăng cường làm việc với đơn vị tư vấn pháp lý (luật sư) nhằm đảm bảo chiến lược xử lý hiệu quả, hạn chế rủi ro.

➢ Sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy tổ chức:

Nhằm tái cơ cấu bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu nguồn lực và tăng cường tính chuyên môn hóa trong hoạt động. Dự kiến tổ chức lại bộ máy theo mô hình 02 khối chức năng:

❖ Khối Tài chính – Kinh doanh

- Được hình thành trên cơ sở hợp nhất chức năng của Ban Tài chính – Đầu tư và Ban Dịch vụ Khách hàng.

- Chức năng chính: quản lý tài chính - kế toán, kế hoạch - đầu tư, kinh doanh - phát triển dịch vụ khách hàng.

❖ Khối Quản trị – Vận hành

- Thực hiện theo chức năng hiện tại của Ban Tổng hợp.

- Chức năng chính: hành chính, nhân sự, pháp chế, quản trị nội bộ và vận hành chung.

➢ Rà soát, sửa đổi quy trình, quy chế nội bộ sau khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức:

- Đảm bảo sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng khối sau tái cơ cấu

- Loại bỏ chồng chéo, bất cập trong phân công, phối hợp công việc

- Nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ

- Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và quy định của Công ty

- Tập trung ưu tiên sửa đổi các quy chế, quy trình có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động: Quy chế tài chính - chi tiêu nội bộ, quy chế nhân sự - tiền lương, quy trình nghiệp vụ kinh doanh, quản trị nội bộ ….

Trên đây là kế hoạch kinh doanh của công ty năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

Trân trọng,

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Cổ đông PVTS;
- Ban KS PVTS;
- Lưu VT, TCKD (T03b)

Lê Tài Đức

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Số: /TTr - PVTS

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVTS)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty PVTS

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/12/2022;

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét quyết định việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (*Chi tiết kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT (02b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Hoàng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102278170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2007. Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 14/07/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, Tòa nhà Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	
Bà: Đinh Thị Huyền Anh	Thành viên HĐQT	*(Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025)*
Ông: Lê Tài Đức	Thành viên HĐQT	*(Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025)*
Ông: Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	*(Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)*
Ông: Lê Bá Trường	Thành viên HĐQT	*(Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)*

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Tài Đức	Giám đốc	*(Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025)*
Ông: Lê Bá Trường	Giám đốc	*(Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)*

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Dương Văn Chuyên	Thành viên	
Bà: Hà Thị Thu Hằng	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025)*
Ông: Phạm Ngọc Dũng	Thành viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Lê Tài Đức - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu của Luật chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc

M.S.D.N: 0102278176 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Tài Đức
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số: 300326.051/BCTC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Tại ngày 31/12/2025, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 128,71 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2025 là 139,35 tỷ VND), Vốn chủ sở hữu của Công ty âm 128,49 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là âm 139 tỷ VND). Phần lớn các thỏa thuận tài chính của Công ty đã quá hạn thanh toán và chưa có nguồn để hoàn trả (Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 16). Đồng thời, Công ty có nghĩa vụ thanh toán nhận ủy thác đầu tư chịu lãi suất cố định không chia sẻ rủi ro (Chi tiết tại thuyết minh $16^{(2n)}$) tại ngày 31/12/2025 với số tiền trị giá 71,1 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 71,1 tỷ VND) và đã quá hạn; Công ty đã sử dụng phần lớn số vốn ủy thác kể trên để kinh doanh thép và Công ty còn phải thu các đối tác (Chi tiết tại thuyết minh số $5^{(*)}$), số tiền trị giá 73,07 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 73,07 tỷ VND). Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Từ các tài liệu đã được cung cấp, Chúng tôi không thể đánh giá về giả định hoạt động liên tục của Công ty, đánh giá được tính hiện hữu và chính xác và phù hợp của các tài sản thế chấp liên quan liên quan đến các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ các hợp đồng nhận ủy thác này cũng như các khoản phải thu của khách hàng có liên quan và các điều chỉnh nếu có tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 liên quan nội dung nêu trên Báo cáo tài chính.

2. Công ty đang ghi nhận các khoản đầu tư vào cổ phiếu tự doanh tại 01/01/2025 với giá trị 6,03 tỷ VND và tại 31/12/2025 với giá trị 7,03 tỷ VND tại khoản mục Chứng khoán kinh doanh (Chi tiết tại Thuyết minh số $04^{(3)}$). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu nhưng chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về khoản đầu tư tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến giá trị của các khoản này hay không.

3. Như Công ty đã trình bày tại các Thuyết minh số 4(1); 4(5a); 4(5b); 7(1) tại ngày 31/12/2025 và tại ngày 01/01/2025, Công ty đang theo dõi các khoản phải thu về ủy thác quản lý vốn và hợp tác đầu tư chứng khoán tồn đọng qua nhiều năm với tổng giá trị lần lượt là 315,97 tỷ VND và 359,63 tỷ VND (số đã trích dự phòng tại 01/01/2025 và 31/12/2025 là 313,14 tỷ VND và 309,72 tỷ VND). Ngoài ra, các khoản cổ phiếu là giá trị tài sản đảm bảo để thực hiện khắc phục hậu quả Ủy thác quản lý vốn của SME chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo trên tại 31/12/2025 và trong năm, Công ty thay đổi cách thức xác định giá trị các khoản cổ phiếu là tài sản khắc phục hậu quả vụ kiện liên quan đến khoản ủy thác quản lý vốn của SME, ảnh hưởng sự thay đổi này như trình bày tại TM số 4(4) và thực hiện bán 1.453.300 cổ phiếu PXL, đồng thời ghi nhận doanh thu tài chính trong năm 2025. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản phải thu và lãi phát sinh tương ứng cũng như dự phòng cần trích lập theo quy định.

4. Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 16 (không bao gồm Thuyết minh số 16(2a)) Công ty có các nghĩa vụ thanh toán đã quá hạn liên quan đến các khoản nhận ủy thác đầu tư ngắn hạn và nhận vốn ủy thác đầu tư dài hạn với tổng giá trị tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025 lần lượt là 145,16 tỷ VND và 145,35 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, Công ty chưa thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các nghĩa vụ này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính chính xác của số dư nợ gốc và các nghĩa vụ thanh toán phát sinh. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các nghĩa vụ nợ và tổn thất tài chính của Công ty phát sinh từ các khoản nhận ủy thác này hay không.

5. Ngoài các nội dung nêu trên, Các khoản công nợ phải thu chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 lần lượt là 2,13 tỷ VND và 2,57 tỷ VND. Các khoản công nợ phải trả chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 lần lượt là 13,87 tỷ VND và 20,73 tỷ VND (chủ yếu là các khoản phải trả về cổ tức qua nhiều năm). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng khẳng định tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản công nợ này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam không đáp ứng được điều kiện công ty đại chúng theo luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025, Công ty đang thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thủ tục nộp hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo quy định tại Điều 34, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 do Quốc hội ban hành về quyền và nghĩa vụ của Công ty Đại chúng nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2023-002-1

Cấn Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4839-2024-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**187.983.795.415**	**218.820.908.839**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	03	**3.580.158.230**	**660.258.052**
111	1. Tiền		1.580.158.230	660.258.052
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	04	**153.558.027.468**	**211.386.487.523**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		230.096.963.238	244.339.303.238
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(203.991.806.039)	(200.589.806.039)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		127.452.870.269	167.636.990.324
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**9.707.266.779**	**(16.236.137.920)**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	75.775.406.729	75.737.275.953
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	549.114.680	18.395.156.600
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	70.401.270.049	30.069.954.206
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(137.018.524.679)	(140.438.524.679)
140	**IV. Hàng tồn kho**	09	**17.657.224.800**	**17.657.224.800**
141	1. Hàng tồn kho		17.657.224.800	17.657.224.800
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**3.481.118.138**	**5.353.076.384**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	15.777.465	7.893.489
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.465.340.673	5.345.182.895
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**71.446.584.483**	**71.697.479.003**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**115.000.000**	**115.000.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	115.000.000	115.000.000
220	**II. Tài sản cố định**		**39.333.328**	**88.969.686**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	10.303.022
222	*- Nguyên giá*		*1.057.566.546*	*1.057.566.546*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(1.057.566.546)*	*(1.047.263.524)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	39.333.328	78.666.664
228	*- Nguyên giá*		*118.000.000*	*118.000.000*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(78.666.672)*	*(39.333.336)*
250	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**	04	**71.219.300.000**	**71.346.340.000**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		71.219.300.000	71.346.340.000
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**72.951.155**	**147.169.317**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	72.951.155	147.169.317
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**259.430.379.898**	**290.518.387.842**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**388.001.333.071**	**429.518.924.148**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**316.782.033.071**	**358.172.584.148**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	97.244.857.593	97.302.959.690
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	2.000.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	267.941.964	177.316.748
314	4. Phải trả người lao động		871.218.320	445.333.464
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		80.000.000	113.490.833
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	216.318.015.194	260.133.483.413
330	**II. Nợ dài hạn**		**71.219.300.000**	**71.346.340.000**
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	71.219.300.000	71.346.340.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**(128.570.953.173)**	**(139.000.536.306)**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	17	**(128.570.953.173)**	**(139.000.536.306)**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.051.994.155	2.051.994.155
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(430.622.947.328)	(441.052.530.461)
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(441.052.530.461)*	*(443.845.308.415)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*10.429.583.133*	*2.792.777.954*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**259.430.379.898**	**290.518.387.842**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thanh Bình	Trịnh Thị Thanh	Lê Tài Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	18	37.991.956.161	49.997.396.395
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		37.991.956.161	49.997.396.395
11	**4. Giá vốn hàng bán**	19	34.804.097.643	47.216.263.641
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		3.187.858.518	2.781.132.754
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	13.149.622.405	735.700.298
22	7. Chi phí tài chính	21	43.617.468	(12.036.221)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	541.957.741	293.199.777
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	3.435.272.966	481.707.665
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		12.316.632.748	2.753.961.831
31	11. Thu nhập khác		46	46.462.393
32	12. Chi phí khác		7.207.439	7.646.270
40	**13. Lợi nhuận khác**		(7.207.393)	38.816.123
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		12.309.425.355	2.792.777.954
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	1.879.842.222	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		10.429.583.133	2.792.777.954
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	25	348	93

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thanh Bình	Trịnh Thị Thanh	Lê Tài Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*12.309.425.355*	*2.792.777.954*
	2. Điều chỉnh cho các khoản		*(780.456.047)*	*(3.453.540.080)*
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		49.636.358	59.939.400
03	- Các khoản dự phòng		(18.000.000)	(2.777.779.182)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(812.092.405)	(735.700.298)
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*11.528.969.308*	*(660.762.126)*
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(22.486.681.358)	(671.215.291)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	62.721.334
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(41.517.591.077)	384.621.242
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		66.334.186	78.207.847
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		14.242.340.000	(6.032.726.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	48.105.844
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(38.166.628.941)*	*(6.791.047.150)*
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.600.000.000)	(10.526.652.055)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		72.784.120.055	16.668.412.329
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		127.040.000	(332.890.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		775.369.064	886.006.906
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*41.086.529.119*	*6.694.877.180*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**2.919.900.178**	**(96.169.970)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**660.258.052**	**756.428.022**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	03	**3.580.158.230**	**660.258.052**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thanh Bình	Trịnh Thị Thanh	Lê Tài Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102278170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2007. Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 14/07/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 1, Tòa nhà Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.000.000.000 VND; tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 9 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 9 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp;
- Tư vấn chiến lược truyền thông;
- Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường;
- Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ quan hệ công chứng;
- Đầu tư trực tiếp, nhận ủy thác đầu tư trong và ngoài nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn chuyên doanh;
- Điều hành tour du lịch, lữ hành quốc tế, nội địa, đại lý du lịch;
- Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, Ủy thác mua bán hàng hóa; và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật nhà nước cho phép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2025, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 128,71 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2025 là 139,35 tỷ VND), Vốn chủ sở hữu của Công ty âm 128,49 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là âm 139 tỷ VND). Phần lớn các thỏa thuận tài chính của Công ty đã quá hạn thanh toán và chưa có nguồn để hoàn trả. Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty âm. Công ty chưa ước tính, công bố thông tin nghĩa vụ phải trả tiềm tàng có thể phát sinh từ việc gây thiệt hại cho bên uỷ thác đầu tư. Do vậy, khả năng tiếp tục hoạt động của công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động của công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục hỗ trợ từ phía các cổ đông của Công ty. Chúng tôi đánh giá việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho:
Hàng hóa bất động sản được xác định theo phương pháp tính theo giá đích danh;
Hàng hóa khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng G&G thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC, cụ thể như sau:

+ Công ty được chia 50% tổng doanh thu và 50% tổng chi phí của hoạt động hợp tác kinh doanh hàng hóa.
+ Công ty đồng ý giao cho Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng G&G quản lý, điều hành việc kinh doanh mặt hàng thực phẩm dầu đậu nành. Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng G&G có toàn quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua thành phẩm, hàng hóa hoặc nguyên liệu, sang chiết, đóng chai, ký hợp đồng tiêu thụ ... mặt hàng thực phẩm dầu đậu nành, bao gồm cả thủ tục đủ điều kiện lưu hành sản phẩm; các loại thuế/ chi phí của việc mua nguyên liệu/ gia công sang chiết mặt hàng thực phẩm dầu ăn và giao hàng cho khách hàng

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 03 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ tổ chức sự kiện và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	191.871.938	142.244.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.388.286.292	518.013.885
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
	3.580.158.230	**660.258.052**

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị là 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất 4,6%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ủy thác quản lý vốn hưởng lãi suất cố định, Công ty không chia sẻ rủi ro [(1)]	113.452.870.269	(113.452.870.269)	157.110.338.269	(116.872.870.269)
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng [(2)]	14.000.000.000	-	10.526.652.055	-
	127.452.870.269	**(113.452.870.269)**	**167.636.990.324**	**(116.872.870.269)**

(1) Đây là số dư các hợp đồng ủy thác đầu tư từ nguồn vốn của Công ty, thực hiện ủy thác cho các đối tác với thời hạn ủy thác dưới 12 tháng (đáo hạn trong năm 2011) và Công ty được hưởng lãi suất cố định, Công ty không chia sẻ rủi ro.

- Tại ngày 31/12/2025, Công ty đang theo dõi khoản ủy thác quản lý vốn cho Công ty Quản lý Quỹ SME và Công ty Cổ phần Chứng khoán SME với tổng số tiền là 113.452.870.269 VND, tổng giá trị dự phòng đã trích lập tại 31/12/2025 là 113.452.870.269 VND.
- Công ty chứng khoán này đã bị đình chỉ hoạt động lưu ký và môi giới 3 lần từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 vì mất khả năng thanh toán, đồng thời đang tạm ngừng hoạt động.
- Công ty đã nộp đơn khởi kiện công ty chứng khoán này về tranh chấp liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết và ủy thác quản lý vốn nêu trên lần lượt vào ngày 21/06/2011 và ngày 24/06/2011. Các đơn khởi kiện đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chấp nhận thụ lý vụ án theo thông báo thụ lý vụ án ngày 04/07/2011.
- Ngày 20/03/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 03/2013/QĐ-TĐC về việc đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an khởi tố hình sự.
- Trong năm 2020, Công ty đã nhận chuyển giao quyền sở hữu 3.520.660 cổ phiếu PXL và 1.000.000 cổ phiếu PTL do các cá nhân liên quan đến vụ án nộp khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, Công ty và các bên chưa thống nhất giá trị khắc phục của số lượng các cổ phiếu trên.
- Trong năm 2025, Công ty đã ban hành quyết định số 65/NQ-PVTS ngày 29/07/2025 của Hội đồng Quản trị về phê duyệt phương án xử lý tài sản khắc phục hậu quả theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/C03 ngày 16/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra C03. Theo đó, Công ty đã chuyển 3.520.660 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển KCN Dầu khí - Long Sơn (Mã chứng khoán: PXL) và 1.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Victory Capital (Mã chứng khoán: PTL) sang khoản mục Cổ phiếu tự doanh để khai thác và sử dụng.

(2) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng giá trị 16.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6,15%/năm đến 7,1%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	33.725.020.000	34.955.080.000	(7.722.000.000)	47.967.360.000	123.000.000	(4.320.000.000)
+ Cổ phiếu tự doanh, trong đó: (3)	33.725.020.000	34.955.080.000	(7.722.000.000)	7.274.892.000	123.000.000	(4.320.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	*243.000.000*	*111.000.000*	*(132.000.000)*	*243.000.000*	*123.000.000*	*(120.000.000)*
Công ty Cổ phần Victory Capital	*6.190.000.000*	*2.800.000.000*	*(3.390.000.000)*	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn	*20.260.128.000*	*32.044.080.000*	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Trung	*1.274.949.000*	*(*)*	-	*1.274.949.000*	*(*)*	-
Công ty Cổ phần LICOGI13FC	*1.556.943.000*	*(*)*	-	*1.556.943.000*	*(*)*	-
Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	*4.200.000.000*	*(*)*	*(4.200.000.000)*	*4.200.000.000*	*(*)*	*(4.200.000.000)*
+ Các khoản cổ phiếu là giá trị tài sản đảm bảo khắc phục hậu quả Ủy thác quản lý vốn của SME theo Quyết định xử lý vật chứng 07/C03 ngày 16/12/2019 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra thuộc Bộ Công an ban hành (4)		-	-	40.692.468.000	-	-
- Chứng khoán và công cụ tài chính khác	196.371.943.238	102.137.199	(196.269.806.039)	196.371.943.238	102.137.199	(196.269.806.039)
+ Hợp tác đầu tư chứng khoán thu lãi cố định (5)	196.371.943.238	102.137.199	(196.269.806.039)	196.371.943.238	102.137.199	(196.269.806.039)
	230.096.963.238	**35.057.217.199**	**(203.991.806.039)**	**244.339.303.238**	**225.137.199**	**(200.589.806.039)**

(3) Phản ánh giá trị Công ty tự thực hiện đầu tư, tổng giá gốc khoản đầu tư là 33.725.020.000 VND. Chi tiết các khoản đầu tư gồm:

+ Công ty đang ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng là 4.200.000.000 VND (tương ứng với 300.000 cổ phiếu), tại Công ty Cổ phần Licogi 13 FC là 1.556.943.000 VND (tương ứng với 165.000 cổ phiếu) và tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Trung là 1.274.949.000 VND (tương ứng với 141.661 cổ phiếu).

+ Công ty ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt là 243.000.000 VND, tương ứng với 30.000 cổ phiếu (Mã chứng khoán: PVL), tại Công ty Cổ phần Victory Capital là 6.190.000.000 VND, tương ứng với 1.000.000 cổ phiếu (Mã chứng khoán: PTL) và tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn là 20.260.128.000 VND, tương ứng với 2.067.360 cổ phiếu (Mã chứng khoán: PXL).

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty trích lập khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng số tiền là 4.200.000.000 VND do đánh giá không còn khả năng thu hồi; Trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt, số tiền 132.000.000 VND và Công ty Cổ phần Victory Capital là 3.390.000.000 VND theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025.

(4) Đây là các khoản cổ phiếu là giá trị tài sản đảm bảo để thực hiện khắc phục hậu quả Ủy thác quản lý vốn của SME theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/C03 ngày 16/12/2019 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra thuộc Bộ Công an ban hành bao gồm 3.520.660 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển KCN Dầu khí - Long Sơn (Mã chứng khoán: PXL) và 1.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Victory Capital (Mã chứng khoán: PTL).
Trong năm 2024, Công ty thay đổi cách thức quản lý các tài sản nhận đảm bảo thực hiện khắc phục hậu quả ủy thác nêu trên. Theo đó, Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản chứng khoán kinh doanh này trên sổ sách theo giá trị thị trường tại ngày nhận về 30/09/2020 làm giá gốc khoản đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty so sánh giá trị thị trường theo giá đóng cửa của các chứng khoán so với giá gốc ghi nhận tại 30/09/2020. Trường hợp giá trị hợp lý tại thời điểm 31/12/2024 theo giá trị thị trường giảm so với giá trị đã ghi nhận theo giá trị tại 30/09/2020 thì công ty ghi nhận dự phòng giảm giá khoản đầu tư, trường hợp giá trị thị trường lớn hơn thì sẽ hoàn nhập tối đa bằng giá gốc khoản đầu tư theo giá tại 30/09/2020. (Năm 2023 Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản chứng khoán kinh doanh này theo giá trị thị trường tại ngày lập báo cáo, dẫn đến giá gốc và dự phòng thay đổi tương ứng năm 2024 khác biệt so với năm 2023 ảnh hưởng lần lượt là 6.032.726.000 VND và 0 VND).
Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành quyết định số 65/NQ-PVTS ngày 29/07/2025 về phê duyệt phương án xử lý tài sản khắc phục hậu quả theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/C03 ngày 16/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra C03. Theo đó, Công ty đã chuyển 3.520.660 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển KCN Dầu khí - Long Sơn (Mã chứng khoán: PXL) và 1.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Victory Capital (Mã chứng khoán: PTL) sang khoản mục Cổ phiếu tự doanh để khai thác và sử dụng. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện giao dịch bán 1.453.300 cổ phiếu PXL trên sàn niêm yết chứng khoán, đồng thời ghi nhận doanh thu tài chính trong năm 2025: 12.337.530.000 VND.

(5) Đây là các khoản hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết mà Công ty hợp tác với đối tác là các cá nhân thông qua các công ty chứng khoán (bao gồm Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall, Công ty cổ phần Chứng khoán SME) để cùng thực hiện đầu tư vào một số mã chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX).
- Theo thỏa thuận tại các hợp đồng, Công ty được hưởng lợi nhuận với mức lãi suất cố định được duy trì trong suốt thời hạn hợp tác đầu tư và Công ty có quyền yêu cầu đối tác mua lại số chứng khoán mà Công ty đã hợp tác đầu tư.
Công ty là bên duy nhất có quyền được giải tỏa chứng khoán và có quyền bán chứng khoán hợp tác đầu tư để thu hồi vốn khi giá chứng khoán hợp tác đầu tư trên sàn niêm yết giảm 30% so với giá niêm yết tại các thời điểm ký kết hợp đồng. Bao gồm:

(5a) Hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết với Công ty Cổ phần Chứng khoán SME với số tiền là 156.252.290.000 VND. Khoản hợp tác đầu tư này đã quá hạn từ tháng 01/2011.
- Công ty chứng khoán này cũng đã bị yêu cầu ngừng hoạt động, và bị đưa vào tình trạng kiểm soát đặc biệt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước do thiếu tính thanh khoản.
- Công ty đã nộp đơn khởi kiện công ty chứng khoán này về tranh chấp liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết và ủy thác quản lý vốn nêu trên lần lượt vào ngày 21/06/2011 và 24/06/2011.
- Các đơn khởi kiện đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chấp nhận thụ lý vụ án theo thông báo thụ lý vụ án ngày 04/07/2011. Ngày 09/03/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 02/2013/QĐ-TĐC về việc đình chỉ giải quyết vụ án do cần chờ kết quả giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản công ty chứng khoán này.
- Đến ngày 19/02/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm sau khi nhận được kết quả giải quyết yêu cầu phá sản trên theo Quyết định số 28/TB-TA.
Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa nhận được phán quyết mới nào từ Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tương đương mức 100% giá trị hợp tác đầu tư này với số tiền 156.252.290.000 VND.

(5b) Hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết với Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS) theo Thỏa thuận Hợp tác cung cấp dịch vụ hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 01/TTHT/2009/PVFI-WSS ký ngày 13/05/2009. Do vướng mắc về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng hợp tác, PVFI đã có đơn khởi kiện WSS gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Tuy nhiên, ngày 29/03/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại, với lý do vụ án cần chờ kết quả từ phía Cục Cảnh sát kinh tế - Bộ Công an mà thời gian chuẩn bị xét xử đã hết.
- Sau nhiều lần làm việc giữa PVFI và WSS, PVFI xác định số tiền chưa thu hồi liên quan đến nhóm khách hàng do bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – nguyên Giám đốc Ban Dịch vụ Tài chính PVFI chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, do bà Quỳnh không hợp tác xử lý nên ngày 27/04/2011, WSS và PVFI đã thống nhất chuyển toàn bộ tài khoản chứng khoán trên các tài khoản bà Quỳnh chịu trách nhiệm về tài khoản của PVFI và PVFI đã thực hiện bán thanh lý, thu hồi vốn đối với các tài khoản chứng khoán này.
- Đến thời điểm 31/12/2025, số tiền còn lại PVFI chưa thu hồi liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán này là 40.119.653.238 VND.Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho khoản đầu tư này, phần chênh lệch lệch còn lại là 102.137.200 VND không trích lập là khoản tiền mặt làm tài sản đảm bảo trong tài khoản chứng khoán.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2025			01/01/2025		
	Mã chứng khoán	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản Ủy thác đầu tư (6)		71.219.300.000	6.870.259.000	-	71.346.340.000	6.836.743.000	-
- Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á (*)	SSB	3.366.200.000	5.874.019.000	-	3.493.240.000	5.851.177.000	-
- Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Victory Capital	PTL	3.558.000.000	996.240.000	(**)	3.558.000.000	985.566.000	(**)
- Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	HLCC	64.295.100.000	(***)	-	64.295.100.000	(***)	-
		71.219.300.000	**6.870.259.000**	**-**	**71.346.340.000**	**6.836.743.000**	**-**

(*) Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2025 và tại ngày 31/12/2024.

(**) Công ty không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư khác do đây là các khoản nhận ủy thác theo dõi tương ứng với khoản phải trả các cá nhân trên khoản mục trả dài hạn khác" (Xem thuyết minh 16(4)).

(***) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(6) Căn cứ theo tờ trình số 20/TTr - TCKT ngày 30/09/2022 Công ty thực hiện ghi nhận bổ sung các khoản ủy thác đầu tư của cá nhân đã được thực hiện trong các năm 2007, 2008 tại các đơn vị là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á (Seabank), số tiền 3.493.240.000 VND; Công ty Cổ phần Victory Capital, số tiền 3.558.000.000 VND và Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, số tiền 64.295.100.000 VND. Công ty thay mặt các cá nhân góp vốn mua cổ phần của các Công ty Cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đồng ý cho các cá nhân góp vốn, Công ty sẽ đứng tên trên sổ Cổ phiếu và thay mặt các cá nhân thực hiện các Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần của tổ chức phát hành. Tương ứng giá trị khoản đầu tư Công ty theo dõi trên khoản mục "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác", Công ty theo dõi khoản phải trả các cá nhân trên khoản mục "Phải trả dài hạn khác" (Xem thuyết minh 16(4)).

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện bán 12.704 cổ phiếu SSB với giá trị là: 127.040.000 VND. Tại 31/12/2025, khoản nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á có giá trị là: 3.366.200.000 VND.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***2.676.446.400***	***(9.115.000)***	***2.638.315.624***	***(9.115.000)***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	9.115.000	(9.115.000)	9.115.000	(9.115.000)
- Chi nhánh Phát điện Dầu khí - NM Nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	1.037.634.624	-
- Chi nhánh Phát điện Dầu khí - NM Nhiệt điện Sông Hậu 1	-	-	510.000.000	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.190.950.000	-	513.108.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	-	-	568.458.000	-
- Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	393.881.400	-	-	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	82.500.000	-	-	-
Bên khác	***73.098.960.329***	***(25.462.005)***	***73.098.960.329***	***(25.462.005)***
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu D&T (*)	73.073.498.324	-	73.073.498.324	-
- Các khách hàng khác	25.462.005	(25.462.005)	25.462.005	(25.462.005)
	75.775.406.729	(34.577.005)	75.737.275.953	(34.577.005)

(*) Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu D&T là khoản phải thu từ hoạt động thương mại bao gồm khoản phải thu từ kinh doanh thép theo Hợp đồng số 44/PVFI-D&T/2011 với Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu D&T (D&T) theo Ủy thác của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ("PVCombank" - Trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) với số tiền tại 01/01/2025 là 73.073.498.324 VND và 73.073.498.324 VND tại 31/12/2025. Giá trị nhận ủy thác từ PVCombank tại ngày 01/01/2025 là 71.104.769.960 VND và tại ngày 31/12/2025 là 71.104.769.960 VND liên quan đến khoản phải thu này được trình bày tại khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" (xem thuyết minh 16(2)) đã quá hạn thanh toán từ năm 2011.

- Ngày 28/12/2012, Công ty, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và các bên liên quan đã có biên bản thỏa thuận, theo đó, các Bên thế chấp sử dụng các tài sản thế chấp để đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng ủy thác đầu tư của Công ty với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.
- Trong năm 2021, căn cứ vào công văn số 1277/PVB-K.QL&TCTTS của PVCombank trong đó có nội dung ngày 06/07/2021 D&T đã thanh toán cho PVCombank số tiền 5.000.000.000 VND, Công ty đã ghi nhận giảm công nợ phải thu D&T và phải trả PVCombank số tiền này.
- Trong năm 2022, căn cứ vào Công văn số 3014/PVB-K.QL&TCTTS ngày 16/02/2023 của PVCombank trong đó có nội dung thực hiện bù trừ công nợ 3 bên do D&T đã thanh toán thêm cho PVCombank số tiền 20.000.000.000 VND, Công ty đã ghi nhận giảm công nợ phải thu D&T và phải trả PVCombank số tiền này.
- Trong năm 2023, căn cứ vào công văn số 14374/PVB-K.QL&TCTTS ngày 06/07/2023 của PVCombank trong đó có nội dung thực hiện bù trừ công nợ 3 bên do D&T đã thanh toán thêm cho PVCombank số tiền 5.000.000.000 VND, Công ty đã ghi nhận giảm công nợ phải thu D&T và phải trả PVCombank số tiền này.

Ngày 26/07/2024, căn cứ bản án số 98/2024/KDTM-ST về việc tranh chấp hợp đồng ủy thác đầu tư, Tòa án nhân dân quận Ba Đình ra phán quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của PVCombank, xác nhận và buộc Công ty D&T và Công ty PVTS còn nợ PVCombank số tiền tạm tính đến ngày 26/07/2024 là 461.414.081.828 VND. Trong đó, số tiền nợ gốc Ủy thác đầu tư là 71.104.769.960 VND; Lợi tức Ủy thác đầu tư còn lại: 2.107.880.222 VND; Lãi chậm thanh toán: 388.201.431.546 VND

Thông tin chi tiết về các tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu D&T cho Công ty như sau:

- Giá trị phần vốn góp của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu D&T; bà Đoàn Thị Tơ và ông Phạm Đức Dương tương đương 79,77% vào Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Dịch vụ Bất động sản Hải Phòng, theo hợp đồng thế chấp số 03/2014/HĐTC, giá trị tài sản đảm bảo là 13.625.000.000 VND;
- Giá trị tài sản gắn liền với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AD 789505, số vào sổ cấp giấy chứng nhận T00084 ngày 26/01/2006 của UBND thành phố Hải Phòng là toà nhà 9 tầng, đường Hùng Vương, phường Hồng An, thành phố Hải Phòng của Công ty TNHH Thành Đức, theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 25/09/2012, giá trị tài sản đảm bảo là 16.533.106.000 VND.

Hồ sơ tài sản đảm bảo được bên PVCombank kiểm soát và lưu trữ hồ sơ.

Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu D&T chưa xác định nghĩa vụ các bên cũng như phương thức thực hiện.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên khác	*549.114.680*	*(13.000.000)*	*18.395.156.600*	*(13.000.000)*
- Công ty Cổ phần Golden Oil Việt Nam	-	-	18.000.000.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	549.114.680	(13.000.000)	395.156.600	(13.000.000)
	549.114.680	**(13.000.000)**	**18.395.156.600**	**(13.000.000)**

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	*36.544.999*	-	*36.984.039*	-
- Tổng Công ty Tài chính Dầu khí	36.544.999	-	36.984.039	-
Bên khác	*70.364.725.050*	*(23.518.077.405)*	*30.032.970.167*	*(23.518.077.405)*
- Khoản nhận ủy thác đầu tư của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam [(1)]	6.144.000.000	-	6.144.000.000	-
- Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	15.720.157.710	(15.720.157.710)	15.720.157.710	(15.720.157.710)
- Phải thu lãi ủy thác quản lý vốn	6.255.976.091	(6.255.976.091)	6.255.976.091	(6.255.976.091)
- Phải thu lãi tiền gửi	200.468.493	-	163.745.152	-
- Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng G&G [(2)]	40.135.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.909.122.756	(1.541.943.604)	1.749.091.214	(1.541.943.604)
	70.401.270.049	**(23.518.077.405)**	**30.069.954.206**	**(23.518.077.405)**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	115.000.000	-	115.000.000	-
	115.000.000	**-**	**115.000.000**	**-**

(1) - Đây là số dư giá trị đầu tư Công ty thực hiện đầu tư thay cho nhà ủy thác (xem thêm thuyết minh 16(2b)) Trong đó, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào 21 Hợp đồng mua bán căn hộ tại Khu căn hộ cao cấp vườn Hồng Ngọc – Ruby Garden tại dường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh với Chủ đầu tư Công ty Cổ phần Tân Hoàng Thắng. Toàn bộ tài sản, giá trị đầu tư, quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh thuộc 21 Hợp đồng tại khu căn hộ cao cấp đều thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đã ủy quyền cho PVCombank thực hiện thu hồi khoản công nợ này.

(2) Hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng G&G về kinh doanh sản phẩm dầu đậu nành (Xem Thuyết minh 2.10).

8. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ ***Phải thu khách hàng***	***73.108.075.329***	***73.073.498.324***	***73.108.075.329***	***73.073.498.324***
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu D&T	73.073.498.324	73.073.498.324	73.073.498.324	73.073.498.324
Công ty Cổ phần Công Nghiệp và Xây Dựng Thăng Long	34.577.005	-	34.577.005	-
+ ***Trả trước cho người bán***	***13.000.000***	-	***13.000.000***	-
Công ty TNHH Lập Sơn	13.000.000	-	13.000.000	
+ ***Phải thu khác***	***29.662.077.405***	***6.144.000.000***	***29.662.077.405***	***6.144.000.000***
Các khoản nhận ủy thác đầu tư của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	6.144.000.000	6.144.000.000	6.144.000.000	6.144.000.000
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	15.720.157.710	-	15.720.157.710	-
Phải thu lãi ủy thác quản lý vốn	6.255.976.091	-	6.255.976.091	-
Các đối tượng khác	1.541.943.604	-	1.541.943.604	-
+ ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***	***113.452.870.269***	-	***157.110.338.269***	***40.237.468.000***
Ủy thác quản lý vốn hưởng lãi suất cố định, Công ty không chia sẻ rủi ro	113.452.870.269	-	157.110.338.269	40.237.468.000
	216.236.023.003	**79.217.498.324**	**259.893.491.003**	**119.454.966.324**

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng hóa bất động sản (*)	17.657.224.800	-	17.657.224.800	-
	17.657.224.800	**-**	**17.657.224.800**	**-**

(*) Là giá trị các hàng hóa bất động sản được Công ty nắm giữ với mục đích để bán. Địa chỉ các Hàng hóa bất động sản cụ thể như sau:

- Hàng hóa Bất động sản tại tổ 4 Long Biên, Hà Nội;
- Hàng hóa Bất động sản tại số 39, ngách 310/62 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội;
- Hàng hóa Bất động sản tại số 136 Quốc Bảo, Thanh Trì, Hà Nội;
- Hàng hóa Bất động sản tại Lô số 13, Khu Đô thị mới Nam Sông Cần Thơ, P. Phường Hưng Phú, TP. Cần Thơ.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	995.748.364	61.818.182	1.057.566.546
Số dư cuối năm	**995.748.364**	**61.818.182**	**1.057.566.546**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	995.748.364	51.515.160	1.047.263.524
- Khấu hao trong năm	-	10.303.022	10.303.022
Số dư cuối năm	**995.748.364**	**61.818.182**	**1.057.566.546**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	10.303.022	10.303.022
Tại ngày cuối năm	**-**	**-**	**-**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.057.566.546 VND.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý với nguyên giá là 118.000.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2025 là 78.666.672 VND. Giá trị khấu hao trong kỳ là 39.333.336 VND.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Các khoản khác	15.777.465	7.893.489
	15.777.465	**7.893.489**
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	66.019.905	126.021.067
- Các khoản khác	6.931.250	21.148.250
	72.951.155	**147.169.317**

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***97.239.000.000***	***97.239.000.000***	***97.239.000.000***	***97.239.000.000***
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (*)	97.239.000.000	97.239.000.000	97.239.000.000	97.239.000.000
Bên khác	***5.857.593***	***5.857.593***	***63.959.690***	***63.959.690***
- Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	-	-	63.030.350	63.030.350
- Phải trả các đối tượng khác	5.857.593	5.857.593	929.340	929.340
	97.244.857.593	**97.244.857.593**	**97.302.959.690**	**97.302.959.690**

(*) Phản ánh khoản công nợ phát sinh do Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam chuyển nhượng lại cho Công ty 9.743.900 cổ phần do Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Kỳ Nguyên Thịnh Vượng (GPBank) - trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu phát hành theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1592/HĐ-DKVN ngày 12/03/2009. Theo Hợp đồng, Công ty được phép trả chậm trong vòng 3 năm kể từ ngày 08/09/2008. Lãi suất trả chậm được xác định bằng 80% tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ của GPBank và không thấp hơn 3%/năm trên thời gian thực tế trả chậm. Công ty không tính lãi phải trả Tập đoàn và tin tưởng rằng việc ghi nhận chi phí như trên là thận trọng dựa trên các thỏa thuận của Công ty với Tập đoàn.

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	-	-
Bên khác	***2.000.000.000***	-
- Ông Lã Đức Thanh	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	-

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	73.620.301	604.200.553	500.642.047	-	177.178.807
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.345.182.895	-	1.879.842.222	-	3.465.340.673	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	76.243.257	284.421.563	301.415.362	-	59.249.458
- Các loại thuế khác	-	27.453.190	8.735.249	4.674.740	-	31.513.699
	5.345.182.895	177.316.748	2.777.199.587	806.732.149	3.465.340.673	267.941.964

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**195.264.780.615**	**195.264.780.615**
Bên liên quan	101.447.868.000	101.447.868.000
- Các khoản phải trả về nhận quản lý vốn [1]	*101.447.868.000*	*101.447.868.000*
+ Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	77.235.454.760	77.235.454.760
- Các khoản phải trả về Nhận ủy thác đầu tư [2]	*71.104.769.960*	*71.104.769.960*
+ Phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam về ủy thác kinh doanh thép [a]	*6.130.684.800*	*6.130.684.800*
+ Phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam về ủy thác Hợp đồng mua bán căn hộ tại Khu căn hộ cao cấp vườn Hồng Ngọc [b]	16.581.457.855	16.581.457.855
- Phải trả khác về cổ tức, lợi nhuận phải trả	*16.581.457.855*	*16.581.457.855*
+ Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	**21.053.234.579**	**64.868.702.798**
Bên khác	51.155.190	18.411.102
- Kinh phí công đoàn	142.296.486	252.296.486
- Các khoản phải trả về nhận quản lý vốn [1]	-	43.657.468.000
- Phải trả về giá trị tài sản đảm bảo khắc phục hậu quả Ủy thác quản lý vốn SME theo QĐ xử lý vật chứng 07/C03 [3]	20.859.782.903	20.940.527.210
- Phải trả khác	**216.318.015.194**	**260.133.483.413**
b) Dài hạn	**71.219.300.000**	**71.346.340.000**
Bên khác	71.219.300.000	71.346.340.000
- Các khoản phải trả về nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu [4]	*3.366.200.000*	*3.493.240.000*
+ Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Seabank)	*3.558.000.000*	*3.558.000.000*
+ Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Victory Capital	*64.295.100.000*	*64.295.100.000*
+ Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	**71.219.300.000**	**71.346.340.000**
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	101.590.164.486	101.700.164.486
- Nhận quản lý vốn và ủy thác đầu tư	77.235.454.760	77.235.454.760
- Nhận ủy thác đầu tư	37.441.240.758	37.521.985.065
- Phải trả khác	**216.266.860.004**	**216.457.604.311**

[1] Nhận ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư từ các khách hàng. Bên ủy thác đầu tư được hưởng lãi cố định với mức lãi suất 2,4%/năm và không can thiệp vào danh mục đầu tư của Công ty. Bên ủy thác đầu tư cũng không phải gánh chịu bất kỳ rủi ro nào phát sinh từ việc đầu tư của Công ty.

[1a]Trong năm 2023, Toà án Nhân dân khu vực 4 Thành phố Hải Phòng (trước đây là Tòa án Nhân dân Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định số 02/2023/QĐST-KDTM ngày 14/03/2023 Công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền uỷ thác quản lý vốn theo Phụ lục số 14 ngày 21/02/2012 kèm theo hợp đồng số 77/2009/UTQLV/PVFI-PVTEX ngày 03/09/2009 với Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY).
Công ty phải thanh toán cho VNPOLY số tiền 3.000.000.000 VND đến trước ngày 30/04/2023; số tiền 3.000.000.000 VND đến trước ngày 30/09/2023; số tiền 3.000.000.000 VND đến trước ngày 31/03/2024; số tiền 2.500.000.000 VND đến trước ngày 30/09/2024. VNPOLY và PVTS thoả thuận thu hồi hết số nợ gốc và không thu hồi các khoản lãi cố định phát sinh.
Tính đến 31/12/2025, Công ty đã thực hiện thanh toán hết tổng cộng số tiền 11.500.000.000 VND.

[2] Công ty sẽ nhận tiền uỷ thác để đầu tư vào các tài sản theo chỉ định của khách hàng, được hưởng phí ủy thác đầu tư, và không chịu rủi ro từ các khoản đầu tư. Trong đó, Khoản nhận ủy thác đầu tư bao gồm:

[a] Hợp đồng Uỷ thác kinh doanh thép có số dư tại ngày 31/12/2025 là 71.104.769.960 VND (tại ngày 01/01/2025 là 71.104.769.960 VND) nhận ủy thác từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam để kinh doanh thép đã quá hạn từ năm 2011 (Xem thêm tại thuyết minh số 5[(*)]).

[b] Hợp đồng Uỷ thác mua bán căn hộ có số dư tại ngày 31/12/2025 là 6.130.684.800 VND (tại ngày 01/01/2025 là 6.130.684.800 VND) nhận ủy thác từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam để thực hiện Hợp đồng mua bán căn hộ tại Khu căn hộ cao cấp vườn Hồng Ngọc – Ruby Garden đã quá hạn từ năm 2011 (Xem thêm tại thuyết minh số 7[(1)])

[3] Thể hiện số tiền và các khoản cổ phiếu là giá trị tài sản đảm bảo để thực hiện khắc phục hậu quả Ủy thác quản lý vốn của SME theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/C03 ngày 16/12/2019 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra thuộc Bộ Công an ban hành mà các cá nhân ủy thác sử dụng vốn tại Công ty nhận được. Theo đó, Công ty đã chuyển 3.520.660 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển KCN Dầu khí - Long Sơn (Mã chứng khoán: PXL) và 1.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Victory Capital (Mã chứng khoán: PTL) sang khoản mục Cổ phiếu tự doanh để khai thác và sử dụng. (Xem thêm tại thuyết minh 4[(4)])

[4] Thể hiện số tiền gốc ủy thác đầu tư Công ty nhận được từ các khách hàng. Công ty không chịu rủi ro từ đối với các khoản đầu tư phát sinh từ nguồn vốn nhận ủy thác này (Tương ứng với khoản đầu tư Cổ phiếu các Công ty tại thuyết minh 4[(6)]).

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**300.000.000.000**	**2.051.994.155**	**1.025.997.077**	**(444.871.305.492)**	**(141.793.314.260)**
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.792.777.954	2.792.777.954
Giảm vốn trong năm	-	-	(1.025.997.077)	1.025.997.077	-
Số dư cuối năm trước	**300.000.000.000**	**2.051.994.155**	**-**	**(441.052.530.461)**	**(139.000.536.306)**
Số dư đầu năm nay	**300.000.000.000**	**2.051.994.155**	**-**	**(441.052.530.461)**	**(139.000.536.306)**
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.429.583.133	10.429.583.133
Số dư cuối năm nay	**300.000.000.000**	**2.051.994.155**	**-**	**(430.622.947.328)**	**(128.570.953.173)**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	105.000.000.000	35,00	105.000.000.000	35,00
Công đoàn Dầu khí Việt Nam	2.000.000.000	0,67	2.000.000.000	0,67
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Kỷ Nguyên Thịnh Vượng	33.000.000.000	11,00	33.000.000.000	11,00
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	20.093.000.000	6,70	20.093.000.000	6,70
Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	31.124.000.000	10,37	31.124.000.000	10,37
Cổ đông khác	108.783.000.000	36,26	108.783.000.000	36,26
	300.000.000.000	**100,00**	**300.000.000.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*300.000.000.000*	*300.000.000.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*300.000.000.000*	*300.000.000.000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	30.000.000	30.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*30.000.000*	*30.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*30.000.000*	*30.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.051.994.155	2.051.994.155
	2.051.994.155	**2.051.994.155**

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	25.731.374.218	41.130.523.084
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.260.581.943	8.866.873.311
	37.991.956.161	**49.997.396.395**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	6.844.963.239	8.389.306.269

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.473.899.450	38.864.145.741
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.330.198.193	8.352.117.900
	34.804.097.643	**47.216.263.641**

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	670.431.405	650.775.698
Lãi bán các khoản đầu tư	12.337.530.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	141.661.000	84.924.600
	13.149.622.405	**735.700.298**
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan	345.534.620	250.863.465

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(18.000.000)	(36.000.000)
Chi phí tài chính khác	61.617.468	23.963.779
	43.617.468	**(12.036.221)**

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.774.500	141.161.013
Chi phí khác bằng tiền	424.183.241	152.038.764
	541.957.741	**293.199.777**

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.084.009.489	2.021.492.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.636.358	59.939.400
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.612.726.000)
Thuế, phí và lệ phí	4.674.740	9.794.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	341.629.537	356.652.028
Chi phí khác bằng tiền	955.322.842	646.554.799
	3.435.272.966	**481.707.665**

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	12.309.425.355	2.792.777.954
Các khoản điều chỉnh tăng	389.806.214	385.946.934
- Chi phí không hợp lệ	*137.806.214*	*133.946.934*
- Thu nhập Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành	*252.000.000*	*252.000.000*
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.300.020.457)	(3.178.724.888)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(141.661.000)*	*(84.924.600)*
- Chuyển lỗ các năm trước	*(3.158.359.457)*	*(3.093.800.288)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.399.211.112	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**1.879.842.222**	**-**
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.879.842.222**	**-**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(5.345.182.895)	(5.345.182.895)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	**(3.465.340.673)**	**(5.345.182.895)**

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.429.583.133	2.792.777.954
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.429.583.133	2.792.777.954
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**348**	**93**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.960.795.354	859.057.364
Chi phí nhân công	5.004.720.681	4.327.862.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.636.358	59.939.400
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.612.726.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.466.351.185	4.537.027.392
Chi phí khác bằng tiền	2.825.925.322	1.909.743.852
	15.307.428.900	**9.080.904.008**

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư ngắn hạn	34.955.080.000	-	-	34.955.080.000
	34.955.080.000	**-**	**-**	**34.955.080.000**
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	123.000.000	-	-	123.000.000
	123.000.000	**-**	**-**	**123.000.000**

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.388.286.292	-	-	3.388.286.292
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.142.099.773	115.000.000	-	146.257.099.773
Các khoản cho vay	127.452.870.269	-	-	127.452.870.269
	276.983.256.334	**115.000.000**	**-**	**277.098.256.334**
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.013.885	-	-	518.013.885
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.772.653.154	115.000.000	-	105.887.653.154
Các khoản cho vay	10.526.652.055	-	-	10.526.652.055
	116.817.319.094	**115.000.000**	**-**	**116.932.319.094**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2025	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	313.562.872.787	71.219.300.000	-	384.782.172.787
Chi phí phải trả	80.000.000	-	-	80.000.000
	313.642.872.787	**71.219.300.000**	**-**	**384.862.172.787**
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	357.436.443.103	71.346.340.000	-	428.782.783.103
Chi phí phải trả	113.490.833	-	-	113.490.833
	357.549.933.936	**71.346.340.000**	**-**	**428.896.273.936**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. THÔNG TIN KHÁC

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam không đáp ứng được điều kiện công ty đại chúng theo luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024. Tuy nhiên, Công ty đã được cấp mã chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Tại ngày 24/03/2026, Công ty đã gửi công văn tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về Đăng ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã thực hiện đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo quy định tại Điều 34, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 về quyền và nghĩa vụ của Công ty Đại chúng do Quốc hội ban hành nhưng chưa được Ủy ban chứng khoán chấp thuận là đăng ký thành công.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 25/12/2025, Công ty ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với tài sản tại số 39, ngách 310/62 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội với giá trị chuyển nhượng là: 24.972.432.000 VND cho ông Lã Đức Thanh. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa bàn giao và ghi nhận doanh thu chuyển nhượng Bất động sản này do Ông Lã Đức Thanh chưa thanh toán đầy đủ theo quy định trong hợp đồng.

Ngoài ra tại ngày 21/01/2026, Công ty đã ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với tài sản tại số 136 Quốc Bảo, Thanh Trì, Hà Nội với giá trị chuyển nhượng là: 4.488.142.400 VND. Trong tháng 1/2026, Công ty đã bàn giao và ghi nhận doanh thu chuyển nhượng tương ứng với giá trị hợp đồng tài sản đấu giá đã thống nhất giữa hai bên.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Kỳ Nguyên Thịnh Vượng	Cổ đông lớn
Nhà máy Nhiệt điện Dầu khí Sông Hậu 1	Công ty con của Cổ đông lớn
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Công ty con của Cổ đông lớn
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - PVN (PVPGB)	Công ty con của Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PTSC)	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Lô 01&02	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng VN (LPG VN) - Chi nhánh Miền Bắc	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty con của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Hóa chất và dịch vụ Dầu khí (PVChem)	Công ty con của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Công ty con của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	Công ty con của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty con của Cổ đông lớn
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Công ty con của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Power)	Công ty con của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Khí VN - Công ty Cổ phần (PVGas)	Công ty con của Cổ đông lớn
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí (PVFCCo)	Công ty con của Cổ đông lớn
Trường Cao đẳng Dầu khí	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến khí Vũng Tàu (KVT)	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty TNHH PVCHEM - TECH	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOil Trans)	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOil Sài Gòn)	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Tổng Công ty Bảo dưỡng sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVMR)	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu Khu vực miền Nam	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Chi nhánh Phân Phối Sản phẩm Lọc Dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Chi nhánh của Cổ đông lớn

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp-Năng lượng Quốc gia Việt Nam – Người Điều hành Lô 01/97 & 02/97	Người Điều hành (Đại diện) của Cổ đông lớn
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, kế toán trưởng và người có liên quan của các thành viên này	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**6.844.963.239**	**8.389.306.269**
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.706.712.962	2.032.100.000
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	360.412.500	3.452.672.654
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Lô 01&02	81.000.000	88.888.888
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	195.000.000
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	280.000.000	524.382.727
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	988.820.000	57.600.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	853.050.000	1.035.562.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	861.600.000	343.500.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	222.000.000
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	710.590.000	95.000.000
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	9.600.000
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần -	-	195.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	2.777.777	78.000.000
Doanh thu tài chính	**345.534.620**	**250.863.465**
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	526.027	86.352.730
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Kỷ Nguyên Thịnh Vượng	345.008.593	164.410.081
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	100.654

Số dư tại ngày đầu năm và kết thúc năm tài chính:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi bằng VND tại ngân hàng, tổ chức tín dụng	**1.206.366.755**	**453.305.511**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	305.694.495	89.126.952
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	872.756.904	309.406.947
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Kỷ Nguyên Thịnh Vượng	27.915.356	54.771.612

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị			
- Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT *(Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)*	20.000.000	60.000.000
- Lê Bá Trường	Thành viên HĐQT *(Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)*	60.000.000	60.000.000
- Đinh Thị Huyền Anh	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
		204.000.000	**204.000.000**
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Dương Văn Chuyên	Thành viên	24.000.000	24.000.000
- Phạm Ngọc Dũng	Thành viên *(Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)*	8.000.000	24.000.000
- Hà Thị Thu Hằng	Thành viên *(Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025)*	16.000.000	-
		48.000.000	**48.000.000**
Tiền lương, thưởng của Giám đốc			
- Lê Bá Trường	Giám đốc *(Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)*	225.689.819	349.388.301
- Lê Tài Đức	Giám đốc *(Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025)*	328.521.623	-
- Trịnh Thị Thanh	Kế toán trưởng	700.462.720	443.271.315
		1.254.674.162	**792.659.616**

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thanh Bình	Trịnh Thị Thanh	Lê Tài Đức

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /PVTS - BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVTS)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/12/2022;

Ban kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động trong năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát PVTS như sau:

A. Kết quả kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 và kết quả thẩm định các Báo cáo của PVTS

I. Thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Điều hành

1. Việc chấp hành Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT

- Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã bám sát, thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-PVTS.ĐHĐCĐ ngày 30/06/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của PVTS, thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo lợi ích cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
- HĐQT luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các phát sinh thuộc thẩm quyền HĐQT và tạo điều kiện cho hoạt động điều hành, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của Giám đốc.
- Trong năm 2025, HĐQT đã họp bàn và ban hành 29 nghị quyết, quyết định kịp thời, phù hợp với tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, tuân thủ đúng định hướng nghị quyết đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua.

2. Việc chấp hành Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT của Giám đốc công ty và người điều hành khác của công ty

- Giám đốc đã chỉ đạo triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT, các Quy chế, quy định của PVTS và các quy định của Phát luật.
- Năm 2025, Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và quan tâm chế độ chính sách đối với người lao động.

- Giám đốc chỉ đạo các phòng chức năng, tăng cường kỷ luật lao động, tiết giảm các chi phí, chi tiêu hành chính.

- Ban điều hành đã chỉ đạo triển khai cập nhật, sửa đổi ban hành quy định văn hóa doanh nghiệp gắn với việc triển khai các mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm/bán niên/quý và công bố thông tin một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời đúng quy định.

3. Về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Trong năm 2025, PVTS đã nỗ lực triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua, kết quả cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 51,14 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: là 38,83 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025: 12,31 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 10,43 tỷ đồng.

II. Tình hình quản lý sử dụng vốn và tài sản của doanh nghiệp

1. Việc bảo toàn và phát triển vốn:

- Tính đến 31/12/2025, vốn chủ sở hữu của PVTS âm (128,58) tỷ đồng, giảm 10,43 tỷ đồng so với đầu năm 2025 là âm (139) tỷ đồng.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 là 259,43 tỷ đồng, giảm 31,1 tỷ đồng so với đầu kỳ là 290,52 tỷ đồng.

2. Công tác quản lý tài chính:

- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ đến 31/12/2025 là 3,58 tỷ đồng đầu kỳ 0,66 tỷ đồng. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 38,16 tỷ đồng, năm 2024 âm 6,79 tỷ đồng.

- Phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi tại 31/12/2025 là 216,24 tỷ đồng. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 137,02 tỷ đồng.

- Nợ phải trả đến 31/12/2025 là 388 tỷ đồng, đầu kỳ là 429,52 tỷ đồng.

3. Quản lý tài chính và công tác đầu tư:

Trong năm 2025, PVTS không thực hiện đầu tư góp vốn ra doanh nghiệp khác. Công ty không mua sắm tài sản cố định mới.

III. Thẩm định các Báo cáo của PVTS

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của PVTS, các Báo cáo tài chính này được lập phù hợp với các quy định của Chuẩn mực Kế toán, Chuẩn mực Kiểm toán Báo cáo tài chính hiện hành.

Theo BCTC đã kiểm toán tại ngày 31/12/2025, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 128,71 tỷ đồng (tại 01/01/2025 là 139 tỷ đồng); lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2025 là 430,62 tỷ đồng (tại 01/01/2025 là 441 tỷ đồng) đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu khoảng 1,43 lần; lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là (38,16) tỷ đồng.

BCTC năm 2025 của PVTS đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do vậy, chưa đủ cơ sở để BKS đưa ra ý kiến về tính hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu đối với tình hình tài chính của PVTS tại ngày 31/12/2025.

1.1 Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo

a. Tài sản và nguồn vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Diễn giải	Đầu năm	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu năm) (%)	Diễn giải	Đầu năm	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu năm) (%)
A. Tài sản NH	**218.821**	**187.984**	**85,9%**	**A. Nợ phải trả**	**429.519**	**388.001**	**90,33%**
1. Tiền và TĐ tiền	660	3.580	542,24%	**1. Nợ ngắn hạn**	**358.173**	**316.782**	88,44%
2. Đầu tư tài chính NH	211.386	153.558	72,64%	1.1. Phải trả người bán NH	97.303	97.245	99,94%
3. Phải thu ngắn hạn	-16.236	9.707	-59,79%	1.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	0	2.000	
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	-140.439	-137.019	97,56%	1.3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	177	268	151,11%
				1.4. Phải trả người lao động	445	871	195,63%
5. Hàng tồn kho	17.657	17.657	100,00%	1.5. Chi phí phải trả ngắn hạn	113	80	70,49%
6. Tài sản ngán hạn khác	5.353	3.481	65,03%	1.6. Phải trả ngắn hạn khác	260.133	216.318	83,16%
				2. Nợ dài hạn	**71.346**	**71.219**	**99,82%**
B. Tài sản Dài hạn	**71.697**	**71.447**	**99,65%**	**B. Vốn Chủ SH**	**-139.001**	**-128.571**	**92,50%**
1. Các khoản phải thu dài hạn khác	115	115	100,00%	1. Vốn góp của chủ sở hữu	300.000	300.000	100,00%
2. Tài sản cố định	89	39	44,21%	2. Quỹ đầu tư phát triển	2.052	2.052	100,00%
3. Đầu tư tài chính DH	71.346	71.219	99,82%	3. Lợi nhuận ST chưa phân phối	-441.053	-430.623	97,64%

Diễn giải	Đầu năm	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu năm) (%)	Diễn giải	Đầu năm	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu năm) (%)
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	0	0		3.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	-443.845	-441.053	99,37%
5. Tài sản dài hạn khác	147	73	49,57%	3.2. LNST chưa PP kỳ này	2.793	10.430	373,45%
Tổng tài sản	**290.518**	**259.430**	**89,30%**	**Tổng nguồn vốn**	**290.518**	**259.430**	**89,30%**

Tại thời điểm 31/12/2025, vốn chủ sở hữu âm (128,57) tỷ đồng/vốn góp của chủ sở hữu là 300 tỷ đồng, giảm lỗ 10,43 tỷ đồng so với đầu năm (VCSH đầu năm âm (139) tỷ đồng).

b. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đầu năm	Kỳ báo cáo
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	Lần	1,48	1,50
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu	Lần	-3,09	-3,02
3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,59	0,50
4	Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	0,61	0,59
5	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	0,68	0,67
6	Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	%	(0,02)	(0,08)
7	Tỷ suất LNST/Tổng TS (ROA)	%	0,04	4,18

Tại thời điểm 31/12/2025, hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 1 cho thấy đơn vị vẫn đang gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ đến hạn.

1.2 Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi, Tạm ứng):

Các khoản thanh toán chi phí hoạt động thường xuyên được thực hiện theo quy định.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Danh mục	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch cuối kỳ so với đầu kỳ
1. Tiền	1.580	660	920
2. Các khoản tương đương tiền	2.000		2.000

b. Quản lý công nợ phải thu:

Phải thu quá hạn (các khoản nợ xấu) đến 31/12/2025 là 216,45 tỷ đồng, bao gồm:

- Phải thu từ Hợp đồng UTQLV với nhóm khách hàng SME: 113,45 tỷ đồng
- Phải thu lãi từ hợp tác đầu tư CK và UTQLV, thấu chi: 23,8 tỷ đồng
- Phải thu từ hợp đồng mua bán thép với D&T: 73,1 tỷ đồng
- Phải thu từ HĐ UTĐT khác: 6,1 tỷ đồng

Các khoản phải thu quá hạn, các khoản nợ xấu đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi với tổng giá trị trích lập 140,44 tỷ đồng.

c. Quản lý tài sản cố định (Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình):

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Chênh lệch (Tăng/giảm)	Tỷ lệ (%)
	Tài sản cố định	**Triệu đồng**	**88,97**	**39,33**	**-49,6**	-126%
1	Tài sản cố định hữu hình	Triệu đồng	10,3		-10,3	
-	*Nguyên giá*	Triệu đồng	1.057,6	1.057,6	0,0	0%
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	Triệu đồng	-1.047,3	-1.057,6	-10,3	1%
2	Tài sản cố định vô hình	Triệu đồng	78,7	39,3	-39,3	-100%
-	*Nguyên giá*	Triệu đồng	118,0	118,0	0,0	0%
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	Triệu đồng	-39,3	-78,7	-39,3	50%

Tại ngày 31/12/2025, TSCĐ giảm 49,6 triệu đồng so với đầu năm, do Công ty trích khấu hao theo quy định.

d. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: không

e. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác.

f. Quản lý công nợ phải trả:

- Nợ phải trả đến 31/12/2025 là 388 tỷ đồng, giảm 41,52 tỷ đồng so với đầu năm.
- Hệ số nợ phải trả/VCSH -3,02 lần, giảm so với đầu năm (-3,09 lần)
- Các khoản phải trả giảm 41,52 tỷ đồng so với đầu quý, chủ yếu do (i) tăng phải trả người lao động 0,46 tỷ đồng, tăng người mua trả tiền trước ngắn hạn 2 tỷ đồng, (ii) giảm các khoản phải trả ngắn hạn 43,6 tỷ đồng.

g. Quản lý các khoản bảo lãnh, ủy thác:

❖ Các khoản phải trả Công ty nhận ủy thác quản lý vốn và nhận ủy thác quản lý đầu tư, nhận ủy thác đầu tư dài hạn:

- Về nhận ủy thác quản lý vốn:

+ Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí: 101,45 tỷ đồng

+ Đối tượng khác (Công đoàn DKVN): 0,19 tỷ đồng.

- Về nhận ủy thác đầu tư:

  + Phải trả PVcomBank về ủy thác kinh doanh thép: 71,1 tỷ đồng

  + Phải trả PVcomBank về HĐ mua bán căn hộ tại Khu căn hộ cao cấp vườn Hồng Ngọc: 6,1 tỷ đồng

- Các khoản ủy thác đầu tư dài hạn (ủy thác quản lý vốn góp của CBCNV Tập đoàn tại Seabank, Xi măng Hạ Long): 71,2 tỷ đồng.

Hiện tại, tình hình tài chính của PVTS đang gặp khó khăn do đó việc hoàn trả khoản nhận ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư trong ngắn hạn rất khó thực hiện.

❖ Các khoản phải thu ủy thác đầu tư từ nguồn vốn của Công ty:

Ủy thác quản lý vốn với nhóm khách hàng công ty chứng khoán SME: 113,45 tỷ đồng.

h. Trích lập dự phòng:

Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng theo quy định: Tổng trích lập dự phòng 341,01 tỷ đồng, trong đó: dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 137,2 tỷ đồng, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh 203,99 tỷ đồng.

TT	Danh mục	Số đầu năm	Số cuối năm
1	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-200,59	-203,99
2	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-140,44	-137,02
	Tổng cộng (1+2):	**-341,03**	**-341,01**

i.Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

Trong năm 2025, Công ty phát sinh 2.777 triệu đồng các loại thuế phải nộp vào NSNN và đã nộp trong kỳ là 806,7 triệu đồng. Tại thời điểm 31/12/2025 Công ty vẫn còn tồn đọng khoản thuế TNDN tạm nộp 5,35 tỷ đồng (phát sinh năm 2010), Công ty đã gửi công văn tới Cục thuế Hà Nội đề nghị bù trừ nghĩa vụ thuế phải thu - phải nộp và yêu cầu quyết toán thuế TNDN. Tuy nhiên, Cục thuế Hà Nội đã gửi Công văn phản hồi về việc không thực hiện hoàn thuế đối với khoản 5,35 tỷ đồng nộp thừa do quá thời hạn xử lý (10 năm).

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng		73,62	604,20	500,64		177,18
- Thuế thu nhập đoanh nghiệp	5.345,18	0,00	1.879,84	0,00	3.465,34	0,00
- Thuế thu nhập cá nhân		76,24	284,42	301,42		59,25
- Các khoản thuế khác		27,45	8,74	4,67		31,51
Tổng cộng	**5.345,18**	**177,32**	**2.777,20**	**806,73**	**3.465,34**	**267,94**

j. Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ:

Năm 2025, Công ty không thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2025 là 2,052 tỷ đồng.

1.3 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục	Năm 2024	Năm 2025	So sánh tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	49.997	37.992	(12.005)	-24%
2	Giá vốn hàng bán	47.216	34.804	(12.412)	-26%
3	**LN gộp từ bán hàng và CCDV**	**2.781**	**3.188**	**407**	**15%**
4	Doanh thu tài chính	736	13.150	12.414	1687%
5	Chi phí tài chính	-12	44	56	-462%
6	Chi phí bán hàng	293	542	249	85%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	482	3.435	2.954	613%
8	Thu nhập khác	46	0	(46)	-100%
9	Chi phí khác	8	7	(1)	-8%
10	**Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế**	**2.793**	**12.310**	**9.517**	**341%**
11	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.880	1.880	
12	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**2.793**	**10.430**	**7.637**	**273%**

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 51,14 tỷ đồng, năm 2024 đạt 50,78 tỷ đồng. Trong đó:
  + Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 37,99 tỷ đồng; năm 2024 là 49,99 tỷ đồng.
  + Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025 đạt 13,15 tỷ đồng, trong đó là doanh thu từ bán chứng khoán niêm yết: 12,34 tỷ đồng;
- Tổng chi phí năm 2025 là 38,83 tỷ đồng.
- Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là 3,19 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 10,43 tỷ đồng.

2. Thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 của Giám đốc Công ty

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành năm 2025 của giám đốc đã được Ban kiểm soát xem xét, thẩm định. Các Kiểm soát viên đều thống nhất ý kiến về Báo cáo kết quả kinh doanh và công tác quản lý, điều hành năm 2025 của Giám đốc phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trong báo cáo được phản ánh và ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

3. Thẩm định báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát hoạt động của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Báo cáo hoạt động của HĐQT phản ánh phù hợp các hoạt động của HĐQT trong năm 2025; phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

HĐQT PVTS đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 30/6/2025. Năm 2025, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp và ban hành 29 Nghị quyết và Quyết liên quan đến quản lý hoạt động SXKD của Công ty; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền HĐQT nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

IV. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc Công ty và các cổ đông

- Ban Kiểm soát làm việc với HĐQT và GĐ theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi chức trách nhiệm vụ.

- Ban Kiểm soát duy trì hợp tác, phối hợp tốt với cổ đông, HĐQT, GĐ và các cán bộ của phòng ban chức năng. Ban KS và các thành viên HĐQT là đại diện cho các cổ đông của PVN, trao đổi thông tin, phối hợp tốt, đồng thuận giữa các cổ đông lớn đối với chủ trương nhằm mang lại lợi ích tối đa cho PVTS.

- Trong qua trình thực hiện nhiệm vụ Ban KS nhận được sự phối hợp tốt của HĐQT, Giám đốc cũng như tạo điều kiện cần thiết để hoạt động theo quy định. Cán bộ quản lý tại các phòng chức năng đã phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban KS.

- Thành viên Ban KS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT của Công ty. Đại diện HĐQT, GĐ và những cán bộ quản lý đã trao đổi, thảo luận cùng các thành viên Ban KS để kịp thời đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp, đóng góp cho công tác quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. Các giao dịch cổ phiếu giữa Công ty/công ty con/Công ty do PVTS nắm giữ quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và người có liên quan khác

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.

- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm giữ quyền kiểm soát: Danh sách các giao dịch tại Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của HĐQT PVTS (Báo cáo số /BC-PVTS.HĐQT ngày /3/2025).

- PVTS và các cá nhân liên quan đã tuân thủ việc công bố thông tin về việc giao dịch và kết quả giao dịch.

B. Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát

I. Tình hình hoạt động và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2025

1. Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát PVTS hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS PVTS. BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh và các công việc liên quan đến hoạt động tại PVTS, nội dung kiểm tra giám , thực hiện nhiệm vụ trong năm 2025 bao gồm các công việc chính sau:

- Ban kiểm soát của PVTS được Đại hội đồng cổ đông PVTS ("ĐHĐCĐ") bầu ra và thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp hiện hành để

đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Ban kiểm soát của PVTS bao gồm 2 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025 với các hoạt động được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể như sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác tài chính kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn;

- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

- Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Các cuộc họp của BKS

Hàng quý/năm các thành viên BKS đều trao đổi, thống nhất kết quả kiểm tra, giám sát tại đơn vị và thẩm định báo cáo tài chính, đồng thời cũng có những kiến nghị đối với HĐQT, GĐ và các cổ đông để hỗ trợ PVTS trong hoạt động SXKD và xử lý các tồn tại, khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 25/3/2025, họp về chuẩn bị, thống nhất nội dung báo cáo của Ban KS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của PVTS.

+ Lần 2: Ngày 09/7/2025, họp thực hiện báo cáo công tác kiểm tra, giám sát quý 2 năm 2025 tại PVTS.

+ Lần 3: Ngày 10/09/2025, họp thống nhất nội dung báo cáo thẩm định BCTC ngày 30/06/2025 của PVTS.

+ Lần 4: Ngày 12/11/2025, họp thống nhất nội dung báo cáo cổ đông thực hiện kế hoạch năm 2025 và xây dựng KH 2026 của BKS.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên BKS

Ban kiểm soát đã tiến hành công tác kiểm tra, giám sát tại PVTS theo kế hoạch hoạt động năm 2025 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt theo Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2025 và các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của PVTS. Các hoạt động thường xuyên của Ban kiểm soát PVTS trong năm 2025 gồm:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật;

- Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2025; công tác quản lý, tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện/phối hợp lập báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS trình và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện.

- Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và các cổ đông báo cáo: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024, thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2024 của Hội đồng quản trị;

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh và tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Giám đốc trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình;

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có chấp thuận của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.

Trong năm 2025, các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt các công việc và nhiệm vụ được phân công phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ PVTS, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ được phân công
1	Ông Dương Văn Chuyên	Kiểm soát viên	- Phối hợp giám sát công tác quản lý điều hành của HĐQT, Giám đốc Công ty; việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ. - Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm của Công ty. - Phối hợp giám sát tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt. - Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT, cuộc họp của Ban kiểm soát. - Thực hiện các công việc khác của KSV, Ban KS theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
2	Bà Hà Thị Thu Hằng	Kiểm soát viên	- Phối hợp giám sát công tác quản lý điều hành của HĐQT, Giám đốc Công ty; việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ. - Phối hợp thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm của Công ty. - Phối hợp giám sát tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt. - Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT, cuộc họp của Ban kiểm soát. - Thực hiện các công việc khác của KSV,

TT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ được phân công
			Ban KS theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Tổng quỹ lương, thù lao kế hoạch của BKS năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua là 48.000.000 đồng; Quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2025 là 48.000.000 đồng, chi tiết như sau:

ĐVT: VNĐ

TT	Họ tên	Chức vụ	Mức thù lao	Số tháng	Thành tiền
1	Ông Dương Văn Chuyên	KSV	2.000.000	12	24.000.000
2	Bà Hà Thị Thu Hằng	KSV	2.000.000	08	16.000.000
2	Ông Phạm Ngọc Dũng	KSV	2.000.000	04	8.000.000
	Tổng cộng				**48.000.000**

II. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	**Nhiệm vụ thường xuyên**	
1	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ PVTS, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thự hiện tuân thủ các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐTV PVN có liên quan đến hoạt động của Người đại diện phần vốn PVN tại PVTS	Thường xuyên
2	- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý. - Kiểm tra/giám sát tình hình xử lý các tồn tại thuộc các hợp đồng/khoản nhận ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư tại đơn vị	Thường xuyên
3	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của PVN, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động kinh doanh tại PVTS	Thường xuyên/khi có yêu cầu
4	Phối hợp với người đại diện phần vốn của PVN trong việc quản lý phần vốn của PVN tại PVTS và phần vốn PVTS đầu tư vào doanh nghiệp khác	Khi có khoản đầu tư

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
5	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.	Thường xuyên
6	Thực hiện các công việc khác của Người đại diện của PVN làm công tác kiểm soát theo yêu cầu của PVN, của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành; đề xuất ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tại PVTS	Thường xuyên/theo yêu cầu
II	**Nhiệm vụ định kỳ**	
1	Thực hiện/phối hợp với thành viên BKS lập báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện.	Quý I
2	Thực hiện/phối hợp thành viên BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và PVN các báo cáo: Thẩm định báo cáo tài chính năm 2026, thẩm định các báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2026 của Hội đồng quản trị, Giám đốc PVTS	Quý I-II (Khi BCTC được kiểm toán)
3	Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính	Hàng quý
4	Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị khi xem xét thấy cần thiết.	Khi cần
5	Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết được phê duyệt	Theo yêu cầu
6	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ	Hàng quý
7	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2026	Quý I và Quý II (ngay sau khi BCTC được phát hành)
8	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại PVTS	Hàng quý
9	Lập báo cáo giám sát hàng quý theo Quy định của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các báo cáo khác theo yêu cầu	Hàng Quý/theo yêu cầu

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
10	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2026 và lập kế hoạch hoạt động năm 2027 trình HĐTV PVN thông qua	Tháng 11
11	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm 2025 tại PVTS	Quý IV
12	Giám sát việc xây dựng, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của PVTS	Quý IV

C. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát năm 2025, Ban kiểm soát xin kiến nghị đối với HĐQT và Ban điều hành của PVTS như sau:

- Tiếp tục rà soát tình hình tài chính, công nợ phải thu, phải trả của các tổ chức, cá nhân để xử lý theo quy định.
- Tiếp tục triển khai thực hiện hợp tác kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ đào tạo, tổ chức sự kiện nhằm duy trì hoạt động Công ty, đảm bảo có doanh thu tạo ra lợi nhuận, cải thiện tình hình tài chính của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện tiết giảm tối đa chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Rà soát, bổ sung các quy trình/quy chế nội bộ của Công ty phù hợp thực tế hoạt động kinh doanh tại Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.
- Đề nghị PVTS tiếp tục rà soát, có phương án bổ sung kiểm soát viên/Trưởng ban kiểm soát theo quy định.
- Tiếp tục rà soát việc ký hợp đồng, giao dịch giữa công ty với Người có liên quan theo quy định của Pháp luật.
- Xem xét, xây dựng kế hoạch, có giải pháp xử lý đối với các vấn đề mà Công ty TNHH hãng Kiểm toán ASSC từ chối đưa ra ý kiến tại Báo cáo tài chính năm 2025 của PVTS.

Ban kiểm soát kính báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PVTS.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT PVTS;
- GĐ PVTS;
- KSV PVTS;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
KIỂM SOÁT VIÊN

Dương Văn Chuyên **Hà Thị Thu Hằng**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PVTS - BKS

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVTS)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty PVTS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/12/2022,

Căn cứ Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2026 của PVTS như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong công tác soát xét, kiểm toán BCTC, theo các quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và là đơn vị thuộc danh sách các Công ty kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận tại Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025.
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán các BCTC cho PVTS.
- Kiểm toán đạt chất lượng, đảm bảo đúng tiến độ, đáp ứng được yêu cầu công bố thông tin.
- Mức phí dịch vụ phù hợp và cạnh tranh.

2. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đề xuất ĐHĐCĐ giao cho HĐQT PVTS thực hiện đánh giá và quyết định lựa chọn đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 cho PVTS có trong danh sách các Công ty kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận tại Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025.

Ban Kiểm soát PVTS kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT PVTS;
- GĐ PVTS;
- KSV PVTS;
- Lưu: BKS PVTS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Dương Văn Chuyên **Hà Thị Thu Hằng**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr - PVTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông,
Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVTS)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi và thông qua ngày 19/12/2022.

Hội đồng quản trị Công ty PVTS kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt kết quả thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

1. Tình hình sử dụng quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025:

a. Nguồn quỹ tiền lương, thù lao được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty là: 252.000.000 đồng;

b. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát thực hiện đến 31/12/2025 là: 252.000.000 đồng, cụ thể tại Phụ lục số 01 đính kèm.

2. Dự kiến quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2026

2.1 Căn cứ xây dựng:

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty PVTS đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung và thông qua ngày 19/12/2022;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty PVTS năm 2025;

2.2 Dự kiến quỹ thù lao, tiền lương năm 2026

- Quỹ thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát được xây dựng trên cơ sở số lượng thực tế thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty, cụ thể như sau:
  - Số thành viên HĐQT: 03 người (01 Chủ tịch và 02 thành viên)
  - Số thành viên Ban kiểm soát: 02 người.
- Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026: 252.000.000 đồng.

Năm 2026, Công ty thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm: Tiếp tục thực hiện các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao; Cơ cấu bộ máy tổ chức, nhân sự theo định hướng hoạt động mới; Tiếp tục tiến hành giải quyết dứt điểm các tồn tại để mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty; Ổn định bộ máy và phát triển Công ty theo hướng thương mại, dịch vụ hiệu quả và bền vững. Bên cạnh đó, Công ty PVTS xây dựng kế hoạch tập trung vào lĩnh vực chính là: dịch vụ đào tạo, dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị... Đây là những lĩnh vực hoạt động mới đối với PVTS, lãnh đạo Công ty luôn sẵn sàng hỗ trợ trong công tác điều hành, kết nối với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành Dầu khí để thiết lập hệ thống khách hàng, thực hiện cung cấp các sản phẩm dịch vụ/tư vấn của PVTS. Kế hoạch hoạt động của Công ty năm 2026 với doanh thu và thu nhập khác: 41,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: 12,4 tỷ đồng.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm tăng cường vai trò, trách nhiệm của các thành viên HĐQT/BKS đảm bảo công tác giám sát quản trị chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh. PVTS xây dựng mức thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2026 như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 7.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT : 5.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng;

Tổng dự toán kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026 là: 252.000.000 đồng, cụ thể theo Phụ lục số 02 đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- Các TV HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phụ lục số 01

CHI TIẾT TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS CÔNG TY NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số ...../TTr - PVTS ngày tháng năm 2026)

Stt	Nội dung	Chức danh	Kế hoạch thù lao năm 2025	Thực hiện thù lao năm 2025	Thời gian đảm nhiệm
I	**Quỹ thù lao được ĐHĐCĐ 2025 phê duyệt**		**252,000,000**	**252,000,000**	
I.1	Thành viên HĐQT		204,000,000	204,000,000	
I.2	Thành viên Ban Kiểm soát		48,000,000	48,000,000	
II	**Chi tiết thực hiện tiền lương, thù lao TV HĐQT, BKS**		**252,000,000**	**252,000,000**	
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		**204,000,000**	**204,000,000**	
1	Ông Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	84,000,000	84,000,000	12 tháng
2	Ông Lê Bá Trường	Thành viên HĐQT	30,000,000	30,000,000	06 tháng
3	Ông Lê Tài Đức	Thành viên HĐQT	30,000,000	30,000,000	06 tháng
4	Baà Đinh Thị Huyền Anh	Thành viên HĐQT	40,000,000	40,000,000	08 tháng
5	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	20,000,000	20,000,000	04 tháng
	BAN KIỂM SOÁT		**48,000,000**	**48,000,000**	
1	Ông Dương Văn Chuyên	Thành viên BKS	24,000,000	24,000,000	12 tháng
2	Bà Hà Thị Thu Hằng	Thành viên BKS	16,000,000	16,000,000	08 tháng
3	Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên BKS	8,000,000	8,000,000	04 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-PVTS ngày tháng năm 2026)

Stt	Chức danh	SL người	Thù lao		Ghi chú
			Mức/tháng	Tổng thù lao 2025	
	HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT			**252,000,000**	
1	Chủ tịch HĐQT	1	7,000,000	84,000,000	
2	TV HĐQT	2	5,000,000	120,000,000	
3	TV Ban Kiểm soát	2	2,000,000	48,000,000	
	Tổng cộng			**252,000,000**	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr - PVTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 19/12/2022;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đối với Bà Hà Thị Thu Hằng – Đại diện của cổ đông Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Kỷ nguyên Thịnh Vượng (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MT Dầu khí Toàn Cầu "GPBank").

Lý do: Bà Hà Thị Thu Hằng thôi không tham gia là thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam theo Đơn từ nhiệm do nguyện vọng cá nhân (*Đính kèm đơn từ nhiệm*).

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Hoàng

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN TỪ NHIỆM

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị & Ban lãnh đạo**
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Tôi tên là: Hà Thị Thu Hằng

CCCD số 001180048047 do Cục CS HLHC về TTXH cấp ngày 06/09/2021

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Theo Nghị quyết số 45/NQ-PVTS.ĐHĐCĐ ngày 30/06/2025, tôi đã trúng cử là thành viên Ban Kiểm soát của Quý Công ty từ tháng 6 năm 2025. Tuy nhiên, do có kế hoạch thay đổi công tác và định hướng nhiệm vụ mới, tôi làm đơn này kính đề nghị Hội đồng Quản trị xem xét chấp thuận cho tôi được từ nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty kể từ ngày 05/03/2026. Tôi cam kết sẽ phối hợp bàn giao đầy đủ các nội dung liên quan nhằm đảm bảo hoạt động của Ban Kiểm soát và Công ty được liên tục, ổn định.

Kính mong Hội đồng Quản trị xem xét, chấp thuận nguyện vọng của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025
Người làm đơn

Hà Thị Thu Hằng